

**CÔNG TY TÀI CHÍNH  
CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC  
EVNFINANCE JOINT STOCK  
COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 59 /TB-TCĐL  
No.: 59 /TB-TCĐL

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025  
Hanoi, March 19, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
PERIODIC DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
To: State Securities Commission of Vietnam  
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Organization name: Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance)/EVN Finance Joint Stock Company
  - Mã chứng khoán/Stock code: EVF
  - Địa chỉ/Address: Tầng 14, 15 & 16 Tháp B Tòa nhà EVN - số 11 Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội/Level 14,15 & 16 Building B, EVN Tower - 11 Cua Bac Street, Truc Bach Ward, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam
  - Điện thoại/Tel: 024.2222.9999 Fax: 024.2222.1999
  - Email: [lienhe@evnfc.vn](mailto:lienhe@evnfc.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/Content of disclosure:  
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024./EVNFinance Joint Stock Company (EVNFinance) announces the Company's 2024 Annual Report.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ngày 19/3/2025 theo đường dẫn: <https://www.evnfc.vn/thong-tin-co-dong>  
This information is announced on EVNFinance's website on March 19, 2025 by path: <https://www.evnfc.vn/thong-tin-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*We hereby commit that the information disclosed above is true and will fully take responsibility legally for the content of the information disclosed./*

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như kính gửi/As above;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo)/  
General Director (for reporting)
- Lưu/Archives: K.QTĐH./  
Governance Office

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE  
INFORMATION**



**NGUYỄN THỊ PHONG LAN**

**EVNFINANCE**  
**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH:** CÔNG TY TÀI CHÍNH  
CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC  
**NĂM BÁO CÁO:** 2024

*Hà Nội, tháng 3 năm 2025*

**MỤC LỤC**

|                                                                                                                                   |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. Thông tin chung</b>                                                                                                         | <b>3</b>  |
| 1.1. Thông tin khái quát                                                                                                          | 3         |
| 1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                                                                                             | 6         |
| 1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý                                                          | 6         |
| 1.3.1. Mô hình quản trị, Sơ đồ tổ chức                                                                                            | 6         |
| 1.3.2. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại 31/12/2024                                                                          | 7         |
| 1.3.3. Các công ty con, công ty liên kết                                                                                          | 8         |
| 1.4. Định hướng phát triển                                                                                                        | 9         |
| 1.5. Các rủi ro                                                                                                                   | 10        |
| <b>II. Tình hình hoạt động trong năm 2024</b>                                                                                     | <b>13</b> |
| 2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh                                                                                               | 13        |
| 2.2. Tổ chức và nhân sự                                                                                                           | 15        |
| 2.2.1. Ban Điều hành                                                                                                              | 15        |
| 2.2.2. Số lượng nhân sự và chính sách đối với người lao động                                                                      | 16        |
| 2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án                                                                              | 17        |
| 2.4. Tình hình tài chính                                                                                                          | 18        |
| 2.4.1. Tình hình tài chính                                                                                                        | 18        |
| 2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu                                                                                             | 18        |
| 2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu                                                                           | 18        |
| 2.5.1. Cổ phần                                                                                                                    | 18        |
| 2.5.2. Cơ cấu cổ đông                                                                                                             | 19        |
| 2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu                                                                               | 21        |
| 2.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ, các chứng khoán khác                                                                               | 21        |
| 2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty                                                              | 22        |
| 2.6.1. Tác động lên môi trường, quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước                                 | 22        |
| 2.6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường                                                                                    | 22        |
| 2.6.3. Chính sách liên quan đến người lao động                                                                                    | 23        |
| 2.6.4. Các hoạt động cộng đồng - xã hội                                                                                           | 24        |
| <b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành</b>                                                                                 | <b>26</b> |
| 3.1. Báo cáo kết quả kinh doanh                                                                                                   | 26        |
| 3.1.1. Hoạt động nguồn vốn - Hoàn thành tăng vốn, nâng cao năng lực tài chính, tăng trưởng nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh | 26        |
| 3.1.2. Hoạt động cấp tín dụng - Tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch mục tiêu                                                       | 27        |
| 3.1.3. Dịch vụ kiểm soát chi và quản lý ủy thác cho vay lại - duy trì theo kế hoạch                                               | 27        |
| 3.1.4. Kinh doanh tiền tệ trên thị trường liên ngân hàng                                                                          | 27        |

|                                                                                                                        |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 3.1.5. Đầu tư tài chính .....                                                                                          | 28        |
| 3.1.6. Quản trị rủi ro .....                                                                                           | 28        |
| 3.2. Tình hình tài chính .....                                                                                         | 29        |
| 3.2.1. Tổng tài sản .....                                                                                              | 29        |
| 3.2.2. Chất lượng tài sản .....                                                                                        | 30        |
| 3.2.3. An toàn vốn .....                                                                                               | 30        |
| 3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....                                                       | 30        |
| 3.4. Kế hoạch phát triển .....                                                                                         | 31        |
| 3.5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán (nếu có) .....                                              | 32        |
| 3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty .....                              | 32        |
| <b>IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty .....</b>                                               | <b>33</b> |
| 4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....                                             | 33        |
| 4.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty .....                                   | 33        |
| 4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị .....                                                              | 34        |
| <b>V. Quản trị Công ty .....</b>                                                                                       | <b>34</b> |
| 5.1. Hội đồng Quản trị .....                                                                                           | 34        |
| 5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị .....                                                                | 34        |
| 5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị .....                                                                      | 37        |
| 5.1.3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị .....                                                                           | 39        |
| 5.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị .....    | 40        |
| 5.1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty .....                       | 43        |
| 5.2. Ban Kiểm soát .....                                                                                               | 43        |
| 5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát .....                                                                    | 43        |
| 5.2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát .....                                                                               | 44        |
| 5.3. Các giao dịch, lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác ..... | 44        |
| 5.3.1. Lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc .....                                      | 44        |
| 5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ .....                                | 46        |
| 5.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ .....                                                                  | 46        |
| 5.3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty .....                                                  | 46        |
| <b>VI. Báo cáo tài chính .....</b>                                                                                     | <b>46</b> |
| 6.1. Ý kiến kiểm toán .....                                                                                            | 46        |
| 6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....                                                                            | 46        |

## **I. Thông tin chung**

### **1.1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102806367, đăng ký lần đầu ngày 08/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám ngày 26 tháng 12 năm 2023. Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định trong từng thời kỳ.
- Vốn Điều lệ (tại 31/12/2024): 7.605.658.020.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 14, 15 và 16 Tháp B, Tòa nhà EVN, Số 11 Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: 024. 22229999
- Số fax: 024. 22221999
- Website: [www.evnfc.vn](http://www.evnfc.vn)
- Mã cổ phiếu: EVF

### **• Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance/Công ty) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 09 năm 2008. Trên chặng đường hơn 16 năm hoạt động, vượt qua nhiều thách thức trong những giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế, cũng như tận dụng tối đa được những cơ hội, điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động, EVNFinance đã từng bước xây dựng nền móng vững chắc và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- Hoạt động hiệu quả, an toàn, đảm bảo thanh khoản trong mọi thời điểm. Kết quả hoạt động kinh doanh có lợi nhuận tăng trưởng qua hàng năm. Các chỉ tiêu tỷ lệ về an toàn hoạt động luôn tuân thủ theo quy định.
- Nguồn nhân lực ổn định và phát triển, là yếu tố cốt lõi để triển khai hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững.
- Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom từ tháng 8 năm 2018 và cổ phiếu EVF đã chính thức giao dịch trên sàn HOSE từ ngày 12/01/2022.

### **• Các cột mốc phát triển**

#### **➤ Năm 2008**

- ✓ **29/5/2008:** Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

- ✓ **01/9/2008:** Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực chính thức khai trương và đi vào hoạt động với sứ mệnh và mục tiêu thu xếp vốn và quản lý nguồn vốn chuyên nghiệp cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đạt 2.500 tỷ đồng, đứng trong nhóm đầu về quy mô trong hệ thống các công ty Tài chính tại Việt Nam tại thời điểm đó.
- **Năm 2009**
  - ✓ Văn kiện ghi nhớ hợp tác triển khai ***cơ chế phát triển sạch (CDM)*** cho các dự án năng lượng tại Việt Nam với Đại sứ quán Đan Mạch, cột mốc đầu tiên cho quá trình triển khai hoạt động dịch vụ CDM.
- **Năm 2010**
  - ✓ **Tháng 4/2010:** 02 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng chính thức hoạt động, đánh dấu sự có mặt của EVNFinance tại 02 vùng kinh tế trọng điểm của đất nước.
  - ✓ **Tháng 7/2010:** Cột mốc đầu tiên đối với hoạt động dịch vụ quản lý ủy thác cho vay lại, kiểm soát chi - được Chính phủ giao là Cơ quan cho vay lại khoản vay ưu đãi cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, từng bước khẳng định thực hiện hiệu quả mục tiêu là đầu mối quản trị vốn và thu xếp vốn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên, dần khẳng định vị thế trên thị trường tài chính trong nước.
- **Năm 2012**
  - ✓ Áp dụng ***hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008*** do Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc (British Standards Institution), một tổ chức hàng đầu quốc tế đánh giá và cấp chứng nhận.
- **Năm 2018**
  - ✓ Ra mắt thương hiệu EasyCredit, cung cấp sản phẩm cho vay tiêu dùng.
  - ✓ Chính thức đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM, tháng 8/2018.
- **Năm 2020**
  - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 2.649 tỷ đồng.
- **Năm 2021**
  - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 3.047 tỷ đồng.
  - ✓ Vị trí xếp hạng tín nhiệm B2 do tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) đánh giá.
- **Năm 2022**
  - ✓ Chuyển sàn giao dịch từ UPCOM sang HOSE và chính thức giao dịch trên HOSE từ ngày 12/01/2022.
  - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 3.510 tỷ đồng.

- ✓ Top 10 thương hiệu mạnh năm 2022 ngành Dịch vụ Tài chính.
- ✓ Áp dụng hệ thống quản lý An toàn thông tin (ISMS) phục vụ cho các hoạt động kinh doanh theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 do Viện Tiêu chuẩn Anh Quốc (British Standards Institution), một tổ chức hàng đầu quốc tế đánh giá và cấp chứng nhận.
- ✓ Vị trí xếp hạng tín nhiệm B2 do tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service (Moody's) đánh giá triển vọng ổn định trong năm thứ 2.
- ✓ Trở thành hội viên của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
- ✓ Đạt giải Best Frontier Market Deal - Giao dịch thị trường cận biên tốt nhất cho giao dịch phát hành Trái phiếu Xanh do Tạp chí FinanceAsia bình chọn.

➤ **Năm 2023**

- ✓ Đạt giải “Giao dịch của năm” cho giao dịch phát hành Trái phiếu Xanh được trao tại IJGlobal Awards 2022 diễn ra vào tháng 3/2023 tại Singapore.
- ✓ Lần đầu tiên phát hành Báo cáo phát triển bền vững.
- ✓ Tăng vốn điều lệ lên 7.042 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- ✓ Tiếp tục được Moody's đánh giá xếp hạng tín nhiệm B2 năm thứ 3 liên tiếp.
- ✓ Đánh dấu 15 năm hình thành và phát triển với nhiều hoạt động ý nghĩa với thông điệp Vững bước thành công.
- ✓ Số hóa mạnh mẽ các quy trình nghiệp vụ và đưa công nghệ vào hoạt động kinh doanh.

➤ **Năm 2024**

- ✓ Là thương hiệu trong nhóm ngành tài chính duy nhất được vinh danh trong Top 25 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2024 theo bình chọn của Forbes Việt Nam.
- ✓ Đạt chứng nhận Hạng Vàng năm 2024 về Bảo vệ khách hàng từ Inclusion [Social Ratings].
- ✓ Tăng vốn Điều lệ lên 7.605 tỷ đồng.
- ✓ Giữ vững mức xếp hạng tín nhiệm B2 từ Moody's năm thứ 4 liên tiếp: Moody's đánh giá vốn hóa của EVNFinance đủ mạnh để hỗ trợ tăng trưởng trong thời gian tới và khẳng định triển vọng tăng trưởng ổn định của công ty.
- ✓ Quyết tâm đưa ESG vào hành trình bền vững, tích hợp các yếu tố Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) vào hoạt động kinh doanh, thể hiện cam kết phát triển bền vững và trách nhiệm với cộng đồng.

## **1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### **• Ngành nghề kinh doanh:**

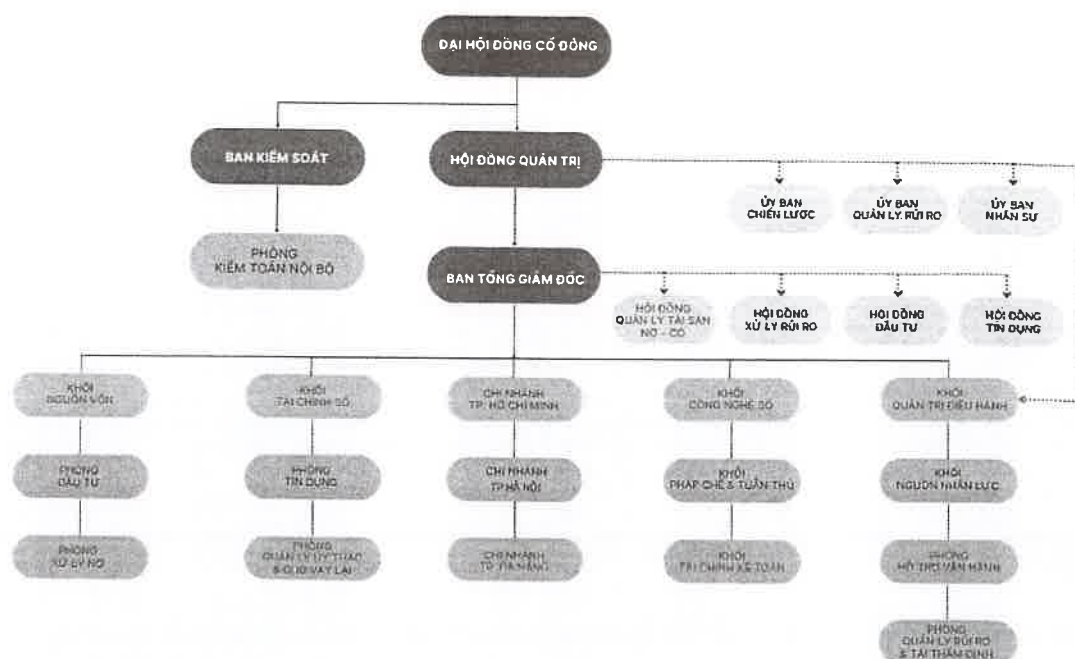
- + Dịch vụ huy động vốn: Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của tổ chức; Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn của các tổ chức; Vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế; Tiếp nhận vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước...;
- + Dịch vụ cho vay;
- + Nhận vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động cấp tín dụng được phép; ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng khác thực hiện hoạt động cấp tín dụng;
- + Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng;
- + Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu;
- + Dịch vụ ngoại hối;
- + Dịch vụ bao thanh toán; Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán;
- + Dịch vụ tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;
- + Dịch vụ cho thuê tài chính;
- + Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng;
- + Dịch vụ đại lý bảo hiểm;
- + Các dịch vụ và hoạt động kinh doanh khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động, và theo quy định của pháp luật.

- **Địa bàn kinh doanh:** Từ năm 2010, bên cạnh Hội sở chính tại Hà Nội, Công ty có 02 Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, cung cấp dịch vụ tới các địa bàn tại tất cả các lĩnh vực, thành phố trên toàn quốc. Trong năm 2024, Công ty đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận mở thêm 02 Chi nhánh tại Hà Nội và Hải Phòng. Dự kiến trong năm 2025, Công ty sẽ hoàn thiện các thủ tục để khai trương các Chi nhánh.

## **1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **1.3.1. Mô hình quản trị, Sơ đồ tổ chức**

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực hoạt động theo mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc với cơ cấu tổ chức đến 31/12/2024 như sau:



### 1.3.2. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại 31/12/2024

#### • Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Cơ cấu thành viên HĐQT của EVNFinance đa dạng về chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các Tổ chức tín dụng, các tổ chức kinh tế. Cơ cấu độ tuổi của các thành viên HĐQT trải rộng từ độ tuổi 40 đến 55, hội tụ đủ các yếu tố về kinh nghiệm và sức trẻ.

#### **Ông Phạm Trung Kiên**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trung tâm Pháp - Việt đào tạo về quản lý, Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân;
- Ông Phạm Trung Kiên đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế.

#### **Ông Lê Mạnh Linh**

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Thạc sĩ Luật và Kinh tế - Chuyên ngành Luật kinh doanh Quốc tế - Ngành Luật quốc tế và Luật Châu Âu - Đại học Francois Rabelais de Tours, Cộng hòa Pháp;
- Cử nhân Kinh tế và Quản lý - Đại học Pierre Mendes France, Cộng hòa Pháp
- Ông Lê Mạnh Linh đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý phụ trách các đơn vị kinh doanh trong các tổ chức tài chính.

#### **Ông Mai Danh Hiền**

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Thạc sĩ Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán - Học viện Tài chính;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán - Học viện Tài chính;

- Ông Mai Danh Hiền có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán Ngân hàng, trong đó có 13 năm làm việc tại EVNFinance.

**Ông Nguyễn Trung Thành**

Thành viên Hội đồng Quản trị

- Cử nhân Luật - Ngành Luật - Đại học Luật Hà Nội;
- Ông Nguyễn Trung Thành đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý trong các tổ chức kinh tế.

**Ông Lê Hoài Nam**

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Thạc sĩ Quản lý Kinh tế - Đại học Tổng hợp Greenwich, London, Anh;
- Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp - Ngành Quản trị doanh nghiệp - Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Kỹ sư Tin học - Ngành Tin học - Đại học Bách khoa Hà Nội;
- Ông Lê Hoài Nam đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý trong các tổ chức kinh tế.

**Ông Nguyễn Văn Hải**

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Cử nhân Luật - Ngành Tư pháp - Đại học Luật Hà Nội;
- Ông Nguyễn Văn Hải đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại các Tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế.

• **Ban Kiểm soát (BKS)**

**Ông Lê Long Giang**

Trưởng Ban Kiểm soát

- Thạc sĩ Kinh tế - Chuyên ngành Kinh tế tài chính ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Ông Lê Long Giang có hơn 21 năm kinh nghiệm và đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo trong các tổ chức tài chính.

**Bà Lê Khánh Ngọc**

Thành viên Ban Kiểm soát

- Thạc sĩ Khoa học Tài chính - Đại học Stirling, Scotland, Anh;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Bà Lê Khánh Ngọc có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc tại EVNFinance.

**Ông Nghiêm Khắc Đạt**

Thành viên không chuyên trách Ban Kiểm soát

- Thạc sĩ Kinh tế - Học viện Tài chính;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán - Học viện Tài chính
- Ông Nghiêm Khắc Đạt đã từng giữ nhiều vị trí lãnh đạo/quản lý trong các tổ chức kinh tế.

**1.3.3. Các công ty con, công ty liên kết**

Đến 31/12/2024, EVNFinance chưa có công ty con, công ty liên kết.

#### **1.4. Định hướng phát triển**

##### **1.4.1. Chiến lược phát triển bền vững và mục tiêu hành động**

EVNFinance nhận diện tầm quan trọng của việc phát triển bền vững và có chủ trương tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh, hoạt động cốt lõi của Công ty; Đồng thời, lồng ghép thực hành phát triển bền vững vào một số hoạt động kinh doanh. EVNFinance xây dựng chiến lược Phát triển bền vững dựa trên nền tảng từng bước tăng cường vững chắc nguồn lực nội tại, bao gồm cơ cấu quản trị, nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp; nhận diện các vấn đề rủi ro liên quan đến phát triển bền vững trong quá trình hoạt động kinh doanh và tích hợp vào hệ thống quản lý rủi ro hiện tại của Công ty. EVNFinance thực hiện xây dựng khung sản phẩm bền vững, trong đó, tập trung vào các sản phẩm kinh doanh có trách nhiệm như trái phiếu xanh, tín dụng xanh và tài chính toàn diện. Tất cả những yếu tố và lợi ích nội tại của EVNFinance được cân bằng và hài hòa với việc mang lại giá trị cho Công ty và lợi ích của khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng.

Mục tiêu hành động của EVNFinance gắn với mục tiêu phát triển bền vững được đưa ra bởi Liên hiệp quốc, gồm các mục tiêu về kinh tế, môi trường, xã hội và quản trị. Nội dung của các mục tiêu được EVNFinance trình bày tại Báo cáo phát triển bền vững của Công ty.

##### **1.4.2. Chiến lược trung dài hạn**

- ✓ Là một định chế tài chính tổng hợp cung cấp các dịch vụ tài chính số với chất lượng tốt nhất trên nền tảng công nghệ hiện đại; Tăng trưởng tài sản theo mục tiêu phát triển bền vững ESG, đây là mục tiêu xuyên suốt trong thời gian tới.
- ✓ Tăng trưởng quy mô và hiệu quả hoạt động.
- ✓ Mở rộng thị trường hoạt động ra nước ngoài.
- ✓ Phát triển, cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện trên nền tảng số.
- ✓ Thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.
- ✓ Đẩy mạnh số hóa trong hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành, nâng cao hiệu suất lao động và hiệu quả quản trị.
- ✓ Tăng cường nhận diện thương hiệu với các đối tác nước ngoài thông qua công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu và chiến lược marketing của Công ty.
- ✓ Định vị EVNFinance bằng hệ thống xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

##### **1.4.3. Kế hoạch ngắn hạn**

- ✓ Tăng trưởng quy mô tổng tài sản, tăng trưởng lợi nhuận.
- ✓ Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành và kiểm soát.
- ✓ Tìm kiếm, phát triển quan hệ với các nhà đầu tư chiến lược, tăng năng lực nguồn vốn chủ sở hữu.

- ✓ Đảm bảo nền vốn hiệu quả, ổn định, đảm bảo thanh khoản trong mọi tình huống để thực hiện điều phối vốn một cách hiệu quả vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt; Tiếp tục mở rộng thị trường vốn quốc tế.
- ✓ Đẩy mạnh phát triển sản phẩm dựa trên nền tảng công nghệ số và có hàm lượng công nghệ số cao, không ngừng vươn lên với những bước tiến mạnh mẽ trong việc xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ đa dạng, mang đến nhiều trải nghiệm mới cho khách hàng.
- ✓ Thực hiện lộ trình, chính sách liên quan đến tích hợp các yếu tố phát triển bền vững ESG vào hoạt động kinh doanh và giám sát tình hình thực hiện.
- ✓ Chú trọng công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu và chiến lược marketing, đẩy mạnh nhận diện quốc tế thông qua giao dịch với các tổ chức tài chính quốc tế.
- ✓ Tiếp tục định vị EVNFinance bằng hệ thống xếp hạng tín nhiệm quốc tế.
- ✓ Triển khai “Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng giai đoạn 2021 - 2025”.

### **1.5. Các rủi ro**

Công tác quản trị rủi ro luôn được EVNFinance quan tâm hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và hướng đến mục tiêu quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu:

#### **➤ Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng có thể xem là một trong những rủi ro quan trọng nhất bởi thu nhập từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập của EVNFinance.
- Với mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả nhất, đảm bảo tăng trưởng bền vững, EVNFinance đã và đang duy trì một khung quản trị rủi ro tín dụng đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:
  - ✓ Xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng thận trọng, hạn chế rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất thông qua hệ thống các giới hạn, hạn mức như tập trung phát triển khách hàng cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ, có tình hình tài chính lành mạnh, tài sản đảm bảo đáp ứng yêu cầu, hạn chế cho vay đối với những lĩnh vực rủi ro cao,...
  - ✓ Áp dụng hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tập trung, tách bạch chức năng giữa kinh doanh, quản lý rủi ro và tác nghiệp, đảm bảo mô hình 3 tuyến phòng thủ độc lập, khách quan, minh bạch.
  - ✓ Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, ngăn chặn các rủi ro tín dụng ngay từ trước khi giải ngân. Chú trọng tăng cường và thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát sau cho vay.
  - ✓ Cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, nâng cao năng lực phân loại rủi ro khách hàng, làm căn cứ thẩm định, xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp.

- ✓ Thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro và tổ chức thử nghiệm trước khi cung cấp một sản phẩm mới đảm bảo an toàn tín dụng và giảm thiểu rủi ro phát sinh.
  - ✓ Giám sát cảnh báo thường xuyên các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động tín dụng cũng như công tác phân loại nợ, trích lập dự phòng đảm bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).
  - ✓ Tăng cường công tác phát triển đầu tư nguồn nhân lực, áp dụng các kiến thức và công nghệ QLRR tiên tiến, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.
- **Rủi ro thanh khoản:**
- Đây là một trong các rủi ro rất quan trọng trong hoạt động các tổ chức tín dụng nói chung và EVNFinance nói riêng.
  - Quản trị rủi ro thanh khoản tại EVNFinance luôn được đảm bảo duy trì thường xuyên, liên tục và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn:
    - ✓ Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về thanh khoản; Thường xuyên theo dõi, phân tích tài sản và công nợ theo kỳ đáo hạn thực tế, qua đó luôn chủ động duy trì hợp lý chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản Có và tài sản Nợ.
    - ✓ Hội đồng quản lý Tài sản Nợ và Có (ALCO): Giám sát hoạt động tuân thủ hạn mức rủi ro thanh khoản, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN và Công ty. Rà soát, đề xuất kế hoạch huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn, xây dựng kịch bản kiểm thử,... đảm bảo phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty và điều kiện thị trường trong từng thời kỳ.
    - ✓ Xây dựng hệ thống hạn mức chính sách, quy chế, quy định nội bộ, quy định chi tiết trách nhiệm, quyền hạn của các phòng ban, bộ phận trong việc theo dõi, đánh giá các rủi ro về thanh khoản cũng như các biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố thanh khoản,...
    - ✓ EVNFinance đã thiết lập cơ chế giá vốn nội bộ: lãi suất tiền gửi/ lãi suất cho vay áp dụng đối với khách hàng trên cơ sở xem xét nhu cầu tăng trưởng, khả năng và hiệu quả sử dụng vốn, tối ưu hóa thu nhập lãi thuần thông qua việc duy trì cơ cấu và kỳ hạn của tài sản Có và tài sản Nợ hợp lý.
- **Rủi ro thị trường:**
- **Rủi ro lãi suất:**
    - ✓ Rủi ro lãi suất là rủi ro cơ bản phát sinh khi lãi suất thị trường biến động bất lợi gây ảnh hưởng đến giấy tờ có giá, danh mục tài sản có lãi suất trên cấu trúc tài sản của một tổ chức tín dụng.
    - ✓ EVNFinance đã xây dựng quy định nội bộ để quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc phân tích tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nguồn nhạy cảm lãi suất; Đưa ra các dự báo về mức độ biến động lãi suất trong một thời kỳ, dựa

trên số liệu thống kê lãi suất trong danh mục của EVNFinance, chính sách hiện hành và xu hướng quản lý thị trường tiền tệ của NHNN, cũng như dự báo các chỉ số kinh tế vĩ mô và thị trường.

- ✓ Ngoài ra, để hạn chế các rủi ro lãi suất, EVNFinance áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp: áp dụng hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi; áp dụng các chính sách lãi suất thả nổi linh hoạt theo từng kỳ hạn nguồn và từng loại hình cho vay; đảm bảo một tỷ lệ kỳ hạn nguồn với kỳ hạn cho vay phù hợp theo những quy định của pháp luật,...
- Rủi ro ngoại hối:
  - ✓ Rủi ro ngoại hối phát sinh từ những biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái gây ra sự sụt giảm giá trị đối với trạng thái ngoại tệ mà tổ chức tín dụng nắm giữ. Công ty chịu rủi ro ngoại hối vì đã phát sinh các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ.
  - ✓ EVNFinance thực hiện giám sát, quản lý và đảm bảo tuân thủ giới hạn về trạng thái ngoại tệ ròng trên vốn tự có theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.
  - ✓ Bên cạnh đó, EVNFinance sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro như: các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi ngoại tệ, hợp đồng quyền chọn,... trong hoạt động kinh doanh ngoại hối.
- Rủi ro hoạt động: Rủi ro hoạt động là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình nghiệp vụ, yếu tố con người và một số yếu tố khác có liên quan trong quá trình hoạt động kinh doanh của EVNFinance.
  - ✓ Để ngăn ngừa và hạn chế rủi ro hoạt động, EVNFinance thường xuyên đánh giá tính tuân thủ, tính đầy đủ, phù hợp của quy trình, quy chế, của các hoạt động nghiệp vụ cũng như cảnh báo rủi ro của các bộ phận tác nghiệp.
  - ✓ EVNFinance liên tục cập nhật, giám sát môi trường kiểm soát tại từng đơn vị nhằm chủ động phòng ngừa rủi ro nội tại, nhận diện các vấn đề cần hoàn thiện, khắc phục và tăng cường hiệu quả hoạt động của các đơn vị.
  - ✓ Triển khai đồng bộ công tác quản lý kinh doanh liên tục, xây dựng bộ lỗi vi phạm tác nghiệp áp dụng cho tất cả các cấp hoạt động, thường xuyên kiểm tra đan chéo nhau để giảm thiểu các rủi ro hoạt động có thể xảy ra.
  - ✓ EVNFinance không ngừng tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng đạo đức, đồng thời thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn định kỳ giúp cán bộ hiểu rõ tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp.
  - ✓ Bên cạnh đó, EVNFinance cũng từng bước củng cố công tác quản trị thông qua sử dụng hệ thống công nghệ thông tin. Các ứng dụng này giúp giảm thiểu

các rủi ro hoạt động thông qua việc lưu chuyển thông tin, đánh giá hoạt động trên quy mô rộng toàn hệ thống.

➤ Rủi ro môi trường xã hội, rủi ro khác:

Bên cạnh các rủi ro trọng yếu trên, EVNFinance luôn gắn quản lý rủi ro môi trường xã hội vào thẩm định dự án, phương án vay vốn, các dự án phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt của cấp thẩm quyền theo quy định của pháp luật, thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên, định kỳ đối với việc QLRR môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, kiên quyết loại trừ cấp tín dụng đối với các dự án có khả năng ảnh hưởng lớn và nghiêm trọng đến môi trường, xã hội,... Thiết lập chính sách cấp tín dụng đối với các lĩnh vực môi trường xã hội nhạy cảm như nông nghiệp, năng lượng tái tạo, dệt may,... Trong năm 2024, EVNFinance đã mở rộng phạm vi của danh sách loại trừ không cấp tín dụng theo danh sách loại trừ của Định chế phát triển châu Âu (EDFI) loại trừ toàn bộ các hoạt động liên quan đến nhiên liệu hóa thạch; Thực hiện truyền thông, đào tạo, lồng ghép rủi ro môi trường xã hội vào các chương trình quản lý rủi ro chung của EVNFinance,...

Trên cơ sở đó EVNFinance đã xây dựng báo cáo Phát triển bền vững tham chiếu theo khung tiêu chuẩn GRI, điều này cho thấy được sự nhận thức của EVNFinance về tầm quan trọng của việc thực hành phát triển bền vững. Thực hành phát triển bền vững đã trở thành một phần quan trọng trong chiến lược kinh doanh của EVNFinance nhằm tạo giá trị bền vững, xây dựng lòng tin của các nhà đầu tư và đáp ứng các yêu cầu quy định.

Nhờ có cơ chế kiểm soát rủi ro như trên, nhiều năm qua EVNFinance hạn chế được rủi ro và đạt/vượt kế hoạch đã đề ra.

Trong năm 2024 và các năm tiếp theo, công tác quản lý rủi ro sẽ luôn tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Công ty với chiến lược: nâng cao năng lực quản trị rủi ro và hiện đại hóa công tác quản trị rủi ro.

Ngoài ra, hoạt động của EVNFinance, cũng như các tổ chức khác, sẽ chịu tác động, ảnh hưởng tiêu cực của các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, địch họa, chiến tranh, đảo chính, đình công,... là các sự việc bất khả kháng nếu xảy ra.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2024**

### **2.1. Tình hình hoạt động kinh doanh**

#### **Các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

| TT | Chỉ tiêu     | Kế hoạch 2024 | Thực hiện năm 2024 |                  |            |
|----|--------------|---------------|--------------------|------------------|------------|
|    |              |               | Thực hiện          | %/Thực hiện 2023 | %/Kế hoạch |
| 1  | Vốn Điều lệ  | 7.681         | 7.605,6            | 108%             | 99%        |
| 2  | Tổng Tài sản | 54.500        | 59.598             | 121%             | 109%       |

| TT | Chỉ tiêu                          | Kế hoạch 2024 | Thực hiện năm 2024 |                  |            |
|----|-----------------------------------|---------------|--------------------|------------------|------------|
|    |                                   |               | Thực hiện          | %/Thực hiện 2023 | %/Kế hoạch |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế              | 585           | 703,7              | 172%             | 120%       |
| 4  | Tỷ lệ nợ xấu                      | < 2%          | 0,72%              | 67%              | Đảm bảo    |
| 5  | Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) | > 9%          | 12,47%             | 68%              | Đảm bảo    |

Một số kết quả nổi bật năm 2024:

- Tổng tài sản đạt 59.598 tỷ đồng, tăng 21% so thực hiện năm 2023, hoàn thành 109% kế hoạch năm.

- Cho vay khách hàng đạt 46.802,9 tỷ đồng, tăng 39,5% so với năm 2023, hoàn thành kế hoạch mục tiêu về tăng trưởng tín dụng.

- Tổng Nguồn vốn huy động tại 31/12/2024 đạt 49.088,6 tỷ đồng, tăng 24,7% so thực hiện năm 2023, đảm bảo thanh khoản và nhu cầu kinh doanh. Đối với hoạt động huy động vốn, trong năm 2024 đã:

✓ Ký kết hợp đồng vay vốn trị giá 30 triệu USD với Ngân hàng Phát triển doanh nghiệp Hà Lan (FMO): Góp phần thúc đẩy tài chính xanh và phát triển bền vững.

✓ Ký kết gói vay hợp vốn trị giá 65 triệu USD từ 06 ngân hàng lớn của Đài Loan.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 703,7 tỷ đồng, hoàn thành 120% kế hoạch đề ra, tương đương 172% so với năm 2023. Năm 2024 EVNFinance đã triển khai và thực hiện theo đúng định hướng kinh doanh đã đặt ra: tăng trưởng quy mô, đảm bảo hiệu quả, an toàn hoạt động; tăng trưởng nguồn vốn trên cơ sở cân đối cơ cấu tối ưu phù hợp, kiểm soát tốt chi phí huy động vốn cũng như kiểm soát chi phí hoạt động, EVNFinance đã vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đặt ra.

- Tỷ lệ nợ xấu toàn Công ty tại 31/12/2024 là 0,72%, giảm so với năm 2023 (1,08%), đảm bảo < 2% theo kế hoạch đề ra và tuân thủ theo quy định của NHNN.

- Tỷ lệ an toàn vốn CAR của EVNFinance tại 31/12/2024 đạt 12,47%. Trong các năm qua, hệ số CAR của EVNFinance luôn cao hơn mức quy định tối thiểu 9% của NHNN.

- Năm 2024 là năm thứ 4 liên tiếp, EVNFinance được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service đánh giá, giữ xếp hạng tín nhiệm mức B2 với triển vọng ổn định.

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức. Song song với đó Công ty đã thực hiện cải tiến, số hóa các quy trình nghiệp vụ, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả quản lý.

- Tiếp tục chú trọng công tác tạo dựng nền tảng hỗ trợ - củng cố văn hóa doanh nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả; thúc đẩy, tạo động lực cho cán bộ/nhân viên; các hoạt động kinh doanh và tác nghiệp hàng ngày của Công ty phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Áp dụng hệ thống quản lý An toàn thông tin (ISMS) phục vụ cho các hoạt động kinh doanh theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013.

## **2.2. Tổ chức và nhân sự**

### **2.2.1. Ban Điều hành**

**Ông Mai Danh Hiền**

Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán - Học viện Tài chính;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán - Học viện Tài chính;
- Ông Mai Danh Hiền có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán Ngân hàng, trong đó có 13 năm làm việc tại EVNFinance.

**Ông Lê Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh tổng hợp - Đại học Kinh tế quốc dân;
- Ông Lê Anh Tuấn có hơn 21 năm kinh nghiệm trong ngành Điện và Tài chính - Ngân hàng, trong đó có 16 năm làm việc tại EVNFinance.

**Ông Đào Lê Huy**

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ - Chuyên ngành Thương mại - Đại học tổng hợp Delhi - Ấn Độ;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kinh tế Ngoại thương - Đại học Ngoại thương;
- Ông Đào Lê Huy có 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, trong đó có 14 năm làm việc tại EVNFinance.

**Bà Tôn Thị Hải Yến**

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học La Trobe Australia;
- Thạc sĩ Luật Kinh tế - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Cử nhân Luật - Ngành Luật Kinh tế - Đại học dân lập Phương Đông;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Ngân hàng Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Bà Tôn Thị Hải Yến có hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp chế, trong đó có hơn 16 năm làm việc tại EVNFinance.

**Ông Mai Xuân Đông**

Giám đốc Chi nhánh TP Đà Nẵng

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Duy Tân
- Cử nhân - Ngành Thống kê - Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng
- Ông Mai Xuân Đông có 32 năm kinh nghiệm trong ngành Điện và Tài chính - Ngân hàng, trong đó có 16 năm làm việc tại EVNFinance.

**Ông Hoàng Nhật Nam**

Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

- Cử nhân Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Tài chính - Marketing
- Ông Hoàng Nhật Nam có 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

**Ông Tống Nhật Linh**

Kế toán trưởng

- Thạc sĩ Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Kế toán - Học viện Tài chính
- Chứng chỉ Kế toán trưởng - Học viện Tài chính
- CMA - CMA Australia
- Ông Tống Nhật Linh có 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính, Rủi ro.

**Ông Nguyễn Tiến Sỹ**

Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Ông Nguyễn Tiến Sỹ được bổ nhiệm và giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hà Nội từ ngày 10/12/2024

- Thạc sĩ Kinh tế - Học viện Ngân hàng
- Cử nhân Kinh tế - Ngành Tài chính Ngân hàng - Đại học Dân lập Phương Đông
- Ông Nguyễn Tiến Sỹ có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.

\* Ông Hoàng Thế Hưng thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/4/2024.

Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 08/3/2024.

**2.2.2. Số lượng nhân sự và chính sách đối với người lao động**

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty là 289 người. Công ty tập trung tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đây là một nhân tố thuận lợi cho Công ty trong việc khai thác tiềm năng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Về chính sách đối với người lao động: Năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì việc triển khai cơ chế đánh giá và xếp loại giúp khuyến khích, tạo động lực cho đơn vị/cá nhân xuất sắc và cảnh báo đối với đơn vị/cá nhân có kết quả chưa tốt. Đồng thời, trong năm 2024, Công ty đã ban hành và sửa đổi Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể để phù hợp với cơ cấu tổ chức Công ty và một số quy định, chính sách nội bộ đã thay đổi và yêu cầu đến từ các Quỹ nước ngoài đối với một số quy định tại Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể cũng cần cụ thể và minh bạch hơn.

### **2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

EVNFinance tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, tài chính số. Năm 2024 đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa với các hoạt động và định hướng sau:

➤ **Tăng cường hợp tác và mở rộng hệ sinh thái số**

Công ty đã tăng cường kết nối và hợp tác chiến lược với các tổ chức trung gian thanh toán, các công ty công nghệ tài chính (Fintech) hàng đầu trong và ngoài nước. Thông qua việc khai thác và phát triển các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ số, Công ty đã mở rộng đáng kể hệ sinh thái dịch vụ tài chính, mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tiện lợi, an toàn và chi phí hợp lý.

➤ **Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện**

- **Tự động hóa và Trí tuệ nhân tạo (AI):** Công ty tiếp tục mở rộng triển khai tự động hóa quy trình thông qua ứng dụng AI, đặc biệt trong các hoạt động như thẩm định hồ sơ khách hàng, phân tích tín dụng, và phát hiện gian lận.
- **Dữ liệu lớn (Big Data):** Năm 2024, EVNFinance đã nâng cấp hệ thống phân tích dữ liệu lớn, cho phép thu thập và xử lý dữ liệu nhanh chóng hơn, phục vụ cho việc cá nhân hóa dịch vụ khách hàng và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo nghĩa vụ tuân thủ hệ thống báo cáo của NHNN.
- **Đa dịch vụ trên nền tảng Mobile:** Công ty đã tiếp tục duy trì, tối ưu tính năng nhằm cung cấp các giải pháp mới trên nền tảng di động, cho phép khách hàng thực hiện hầu hết các giao dịch tài chính và phi tài chính một cách tiện lợi, mọi lúc mọi nơi.

➤ **Tăng cường bảo mật và An toàn thông tin**

Công ty tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các giải pháp bảo mật hiện đại như bảo vệ dữ liệu, phát hiện và phòng chống tấn công, nâng cao các tiêu chuẩn an toàn thông tin, đảm bảo dữ liệu khách hàng, dữ liệu cá nhân và hệ thống vận hành luôn được bảo vệ tối đa.

➤ **Đổi mới quy trình và Nâng cao hiệu quả vận hành**

Quy trình nghiệp vụ tiếp tục được số hóa, tối ưu hóa thông qua các giải pháp công nghệ tiên tiến. Nhờ việc cải tiến liên tục, EVNFinance đã giảm thời gian xử lý giao dịch, tăng tốc độ phục vụ và nâng cao chất lượng trải nghiệm khách hàng.

Công ty cam kết tiếp tục phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính số với trọng tâm đặt vào trải nghiệm khách hàng và hiệu quả vận hành. Mục tiêu tập trung vào các giải pháp mang tính đột phá, hỗ trợ Công ty đạt được mục tiêu trở thành một Định chế Tài chính số hóa toàn diện, vững mạnh, dẫn đầu thị trường.

## **2.4. Tình hình tài chính**

### **2.4.1. Tình hình tài chính**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

| <b>Chỉ tiêu</b>            | <b>31/12/2023/<br/>Năm 2023</b> | <b>31/12/2024/<br/>Năm 2024</b> | <b>% tăng/<br/>(giảm)</b> |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| Tổng giá trị tài sản       | 49.221                          | 59.598                          | 21%                       |
| Thuế và các khoản phải nộp | 72                              | 139                             | 93%                       |
| Lợi nhuận trước thuế       | 409,3                           | 703,7                           | 72%                       |
| Lợi nhuận sau thuế         | 328,4                           | 560,8                           | 71%                       |

Thông tin về "Thuế và các khoản phải nộp" theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm.

### **2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

| <b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>         | <b>Năm 2023</b> | <b>Năm 2024</b> | <b>% tăng/<br/>(giảm)</b> |
|-----------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------------|
| Vốn chủ sở hữu                                | 8.456           | 9.007           | 7%                        |
| Vốn điều lệ                                   | 7.042           | 7.605           | 8%                        |
| Tổng tài sản                                  | 49.221          | 59.598          | 21%                       |
| Tỷ lệ an toàn vốn                             | 18,29%          | 12,47%          | -32%                      |
| Nợ quá hạn (bao gồm nợ nhóm 2 và Nợ xấu)      | 707             | 1.186           | 68%                       |
| Nợ xấu                                        | 435             | 368             | -15%                      |
| Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh | 0%              | 0%              | 0%                        |
| Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (*)               | 1,8%            | 2,3%            | 33%                       |
| Tỷ lệ nợ xấu (*)                              | 1,08%           | 0,72%           | -33%                      |
| Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (**)                 | 13,06           | 4,24            | -68%                      |
| Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (**)     | 370,23          | 102,31          | -72%                      |

(\*) Tổng nợ và tỷ lệ nợ xấu tính theo quy định của Thông tư 11/2021/TT-NHNN

(\*\*) Tại thời điểm cuối năm

## **2.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

### **2.5.1. Cổ phần**

➤ Tại ngày 31/12/2024, tổng số lượng cổ phần là 760.565.802 cổ phần, bao gồm:

- Số lượng cổ phần lưu hành: 760.565.802 cổ phần.

*Trong đó:*

- + Cổ phần phổ thông: 760.565.802 cổ phần

- + Cổ phần ưu đãi: Không có.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Phân loại cổ phần theo tiêu chí chuyển nhượng:

| Loại cổ phần                  | Số lượng cổ phần   |
|-------------------------------|--------------------|
| Cổ phần tự do chuyển nhượng   | 750.743.939        |
| Cổ phần hạn chế chuyển nhượng | 9.821.863          |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>760.565.802</b> |

*Lý do hạn chế chuyển nhượng:* Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực không được chuyển nhượng cổ phiếu trong thời gian đảm nhận chức vụ theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.

## 2.5.2. Cơ cấu cổ đông

*Theo tiêu chí tỉ lệ sở hữu (cổ đông lớn (\*), cổ đông nhỏ) tại 31/12/2024*

| Tiêu chí         | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần   | Tỷ lệ cổ phần |
|------------------|------------------|--------------------|---------------|
| Cổ đông lớn      | 0                | 0                  | 0%            |
| Cổ đông nhỏ      | 70.443           | 760.565.802        | 100%          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>70.443</b>    | <b>760.565.802</b> | <b>100%</b>   |

(\*) Theo Khoản 8 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 thì “Cổ đông lớn là cổ đông của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần sở hữu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp”. Cụ thể, theo Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực “cổ đông lớn là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của EVNFinance”.

*Theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác tại 31/12/2024*

| Tiêu chí         | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần   | Tỷ lệ cổ phần |
|------------------|------------------|--------------------|---------------|
| Cổ đông nhà nước | 0                | 0                  | 0%            |
| Cổ đông khác     | 70.443           | 760.565.802        | 100%          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>70.443</b>    | <b>760.565.802</b> | <b>100%</b>   |

*Theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân tại 31/12/2024*

| Tiêu chí         | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần   | Tỷ lệ cổ phần |
|------------------|------------------|--------------------|---------------|
| Tổ chức          | 68               | 60.693.949         | 7,98%         |
| Cá nhân          | 70.375           | 699.871.853        | 92,02%        |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>70.443</b>    | <b>760.565.802</b> | <b>100%</b>   |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**  
**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

**EVNFINANCE**

*Theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài tại 31/12/2024*

| Tiêu chí           | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần   | Tỷ lệ cổ phần |
|--------------------|------------------|--------------------|---------------|
| Cổ đông trong nước | 70.365           | 757.103.095        | 99,55%        |
| Cổ đông nước ngoài | 78               | 3.462.707          | 0,45%         |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>70.443</b>    | <b>760.565.802</b> | <b>100%</b>   |

*Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 15% theo công văn số 3900/UBCK-PTTT ngày 24/6/2024 về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được công bố thông tin theo đúng quy định.*

*Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Lãnh đạo tại 31/12/2024*

| TT | Thành viên                                         | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) |
|----|----------------------------------------------------|------------------|--------------------------|
| 1  | Ông Phạm Trung Kiên - Chủ tịch HĐQT                | 3.295.927        | 0,433                    |
| 2  | Ông Lê Mạnh Linh - Phó Chủ tịch HĐQT               | 3.310.980        | 0,435                    |
| 3  | Ông Mai Danh Hiền - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc | 2.947.529        | 0,388                    |
| 4  | Ông Nguyễn Trung Thành - Thành viên HĐQT           | 37.207           | 0,005                    |
| 5  | Ông Lê Hoài Nam - Thành viên độc lập HĐQT          | 37.207           | 0,005                    |
| 6  | Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên độc lập HĐQT       | 37.207           | 0,005                    |
| 7  | Ông Lê Long Giang - Trưởng Ban Kiểm soát           | 35.964           | 0,005                    |
| 8  | Ông Nghiêm Khắc Đạt - Thành viên Ban Kiểm soát     | 45.427           | 0,006                    |
| 9  | Bà Lê Khánh Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát        | 74.415           | 0,010                    |
| 10 | Bà Tôn Thị Hải Yến - Phó Tổng Giám đốc             | 864.916          | 0,114                    |
| 11 | Ông Lê Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc                | 124.391          | 0,016                    |
| 12 | Ông Đào Lê Huy - Phó Tổng Giám đốc                 | 86.400           | 0,011                    |

| <b>TT</b> | <b>Thành viên</b>                                | <b>Số lượng cổ phần</b> | <b>Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)</b> |
|-----------|--------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|
| 13        | Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Giám đốc CN Hà Nội          | 33.480                  | 0,004                           |
| 14        | Ông Hoàng Nhật Nam - Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh | 44.280                  | 0,006                           |
| 15        | Ông Mai Xuân Đông - Giám đốc CN Đà Nẵng          | 27.453                  | 0,004                           |
| 16        | Ông Tống Nhật Linh - Kế toán trưởng              | 44.649                  | 0,006                           |

### **2.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Công ty thành lập với Vốn Điều lệ ban đầu là 2.500.000.000.000 đồng.

Ngày 19/3/2020, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 27/4/2020, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 2.649.812.650.000 đồng.

Ngày 12/8/2021, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 13/9/2021, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 3.047.076.280.000 đồng.

Ngày 07/4/2023, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 27/4/2023, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 3.244.869.580.000 đồng.

Ngày 21/9/2023, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 07/10/2023, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 3.510.640.310.000 đồng.

Đến 31/12/2023, EVNFinance đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Chương trình ESOP). Ngày 20/5/2024, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 7.042.482.890.000 đồng.

Đến 31/12/2024, EVNFinance đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ, trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 20/01/2025, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi, Vốn Điều lệ của Công ty là 7.605.658.020.000 đồng.

### **2.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ, các chứng khoán khác**

#### **➤ Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Không có.

#### **➤ Các chứng khoán khác**

Trong năm 2024, Công ty không phát hành Trái phiếu mới.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với các Trái phiếu đã phát hành.

➤ **Đầu mối công tác về nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**

Công ty thành lập Bộ phận chuyên trách phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư, cổ đông, công bố chi tiết thông tin nhân sự liên lạc tại website của Công ty và các tài liệu liên quan đến cổ đông (Bản cáo bạch tăng vốn, thư mời tham dự họp đại hội đồng cổ đông,...), bố trí nhân sự thường trực để đón tiếp cổ đông tại văn phòng Hội sở chính và các Chi nhánh của Công ty. Theo đó, thông tin cụ thể:

Bộ phận Giao dịch và Quản lý thông tin Cổ đông - Ban Trợ lý Hội đồng Quản trị, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực

Đầu mối: Bà Đỗ Thu Hương, Email: [huongdt@evnfc.vn](mailto:huongdt@evnfc.vn) hoặc email [codong@evnfc.vn](mailto:codong@evnfc.vn)

Điện thoại: 024 - 2222 9999 - Máy lẻ: 1066

Số fax: 024 - 2222 1999

**2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**2.6.1. Tác động lên môi trường, quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước**

Từ năm 2020, EVNFinance bắt đầu triển khai cho vay các dự án tín dụng xanh với phương châm hiệu quả, an toàn và đúng quy định. Tính đến thời điểm 31/12/2024, EVNFinance đã cấp tín dụng cho 231 dự án năng lượng tái tạo, 53 khách hàng cá nhân lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà và gần 3.000 xe điện xanh SM. Sản lượng điện kỳ vọng mỗi năm của các dự án năng lượng tái tạo đạt được từ 376MWh~242.171MWh.

Đặc biệt, công tác cấp tín dụng của EVNFinance đối với các dự án năng lượng tái tạo đã góp phần giảm lượng phát thải CO<sub>2</sub>, tính đến hết năm 2024 dự tính là hơn 2.000.000 tCO<sub>2</sub> (chỉ số này được tính theo CV số 1278/BĐKH-TTBVTOD về việc công bố kết quả tính toán hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2021 của Cục Biến đổi Khí hậu - Bộ Tài Nguyên và Môi trường gửi ngày 31/12/2022). Đây là một con số thể hiện sự chung tay của EVNFinance góp phần hành động cùng kế hoạch cấp tín dụng xanh của NHNN nói riêng và thực hiện nhiệm vụ khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu của Quốc gia nói chung.

Các nội dung về môi trường và xã hội của Công ty được báo cáo tại Báo cáo phát triển bền vững của Công ty.

**2.6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

**2.6.3. Chính sách liên quan đến người lao động**

**a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

Năm 2024, Công ty có số lượng cán bộ nhân viên (CBNV) bình quân là 295 người, với mức thu nhập bình quân 37,03 triệu đồng/người/tháng.

Công ty luôn tạo điều kiện làm việc tốt nhất để người lao động yên tâm công tác và hoàn thành tốt công việc được giao. 100% CBNV đều được đảm bảo việc làm, bố trí sắp xếp công việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn của CBNV và yêu cầu kinh doanh của Công ty.

Chính sách tiền lương minh bạch, hấp dẫn, thường xuyên được xem xét, điều chỉnh để phù hợp với thông lệ thị trường và tình hình thực tế của Công ty, đảm bảo thu hút và giữ chân nhân tài. Mỗi CBNV được xếp mức lương đảm bảo phù hợp với yêu cầu công việc, phạm vi trách nhiệm, năng lực và hiệu quả của cá nhân.

Năm 2024, EVNFinance xây dựng chính sách thưởng kinh doanh dành cho CBNV gắn với kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả hoạt động của đơn vị/cá nhân, từ đó tạo động lực cho mỗi CBNV nâng cao năng suất và chất lượng công việc, đóng góp tích cực vào kết quả chung của đơn vị/Công ty.

**b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

EVNFinance duy trì hệ thống phúc lợi hấp dẫn và nhân văn, quan tâm tới sức khỏe, tinh thần của CBNV và người thân, hướng tới một môi trường làm việc thân thiện, hạnh phúc, CBNV cân bằng được công việc và cuộc sống.

Một số chính sách có thể kể đến như: ghi nhận danh hiệu thi đua khen thưởng; quà Lễ Tết; quà nhân dịp sinh nhật CBNV; quà mừng tuổi CBNV dịp Tết Nguyên đán; quà nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và Phụ nữ Việt Nam; quà nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi và quà Trung thu dành cho con của CBNV; quà tri ân phụ mẫu của CBNV, quà khuyến học cho con CBNV có thành tích học tập hoặc thành tích ở tất cả các bộ môn văn hóa, văn nghệ, thể thao; các chương trình gắn kết nhân viên hàng năm.

Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước liên quan đến người lao động; chính sách chăm lo và bảo vệ sức khỏe cho CBNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ và mua gói bảo hiểm sức khỏe năng cao. CBNV được đào tạo về phòng cháy chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm, giữ gìn vệ sinh lao động theo tiêu chuẩn 5S. Bên cạnh đó, Công ty và Ban chấp hành Công đoàn luôn kịp thời thăm hỏi, động viên CBNV không may ốm đau, tai nạn, thể hiện sự quan tâm của Công ty đối với CBNV.

**c) Hoạt động đào tạo người lao động**

Trong năm 2024, EVNFinance tiếp tục triển khai các hoạt động đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong



bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh và thay đổi nhanh chóng. Công ty đã chú trọng đa dạng hóa các nội dung đào tạo, kết hợp giữa các chương trình đào tạo chuyên môn, bồi dưỡng năng lực lãnh đạo quản trị và phát triển các kỹ năng mềm, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của từng cán bộ nhân viên và toàn hệ thống. Các chương trình đào tạo tại EVNFinance được thiết kế không chỉ đáp ứng yêu cầu công việc của đơn vị mà còn tập trung vào phát triển năng lực cá nhân, từ đó thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới và tối ưu hóa hiệu quả công việc.

Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai linh hoạt các hình thức đào tạo khác nhau đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu học tập và điều kiện công tác của từng cá nhân, nhằm khuyến khích việc học hỏi và phát triển toàn diện, bao gồm: các khóa đào tạo nội bộ chuyên sâu; các hội thảo, tọa đàm chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm; các khóa học in-house mời chuyên gia uy tín trên thị trường về trực tiếp giảng dạy; đặc biệt là cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo và hội thảo chuyên môn bên ngoài, nhằm cập nhật những xu hướng mới nhất trong lĩnh vực tài chính và kỹ năng quản trị, bổ sung kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao. Những hoạt động này không chỉ là cơ hội nâng cao kiến thức chuyên môn mà còn là kênh kết nối, thúc đẩy sự trao đổi học hỏi, tạo cơ hội cho cán bộ nhân viên phát triển bản thân, phát triển sự nghiệp.

Kết quả năm 2024, EVNFinance đã tổ chức 55 khóa đào tạo, với tổng thời lượng lên đến 3.551 giờ, số giờ đào tạo bình quân 12,037 giờ/cán bộ.

#### **2.6.4. Các hoạt động cộng đồng - xã hội**

Là một trong những công ty tài chính tiên phong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, những năm qua, EVNFinance không ngừng nỗ lực đóng góp, kiến tạo những giá trị bền vững cho cộng đồng. EVNFinance xem đây là một sứ mệnh lâu dài của doanh nghiệp, không phải là xu hướng, vì thế cần chủ động và kiên trì thực hiện.

Năm 2024, EVNFinance chú trọng tạo ra những tác động tích cực đến cộng đồng thông qua 2 khía cạnh: (i) Xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh nhằm nâng cao nhận thức của người lao động, từ đó lan tỏa đến gia đình, bạn bè, cộng đồng; (ii) Triển khai các chiến dịch truyền thông kêu gọi hành động thiết thực. Khi những thông điệp trở thành hành động thực tế, đi vào cuộc sống thường ngày giúp thay đổi lối sống, thói quen của người lao động, EVNFinance cũng nhận được những hiệu quả rõ rệt.

##### **➤ Hoạt động vì môi trường**

*Hướng tới mục tiêu Net Zero, EVNFinance thúc đẩy các giải pháp tiết kiệm năng lượng, hạn chế rác thải. Việc duy trì thực hiện những thay đổi nhỏ đã giúp EVNFinance tiết kiệm đáng kể chi phí, thời gian và nguồn lực.*

“Ngày hội tái chế - Recycle Day” tổ chức lần thứ 2 kêu gọi CBNV thu gom pin, đồ nhựa, giấy báo cũ đổi lấy cây xanh. Từ đó nâng cao ý thức mua sắm và tiêu dùng có trách nhiệm của CBNV và gia đình. Tổng kết, ngày hội thu gom được 63 kg giấy, 10,2 kg bìa, 8 kg nhựa, 5,4 kg kim loại và 7 kg pin. Rác thải thu gom tiếp tục được gửi đến

dự án “Đổi rác lấy gạch - Xây trường cho em” của tổ chức thiện nguyện vì môi trường Tagom.

Trong suốt năm 2024, EVNFinance đã duy trì tốt chương trình “Clean Day” với mục tiêu giữ gìn không gian làm việc xanh - sạch - chuyên nghiệp. Tất cả các văn phòng làm việc của EVNFinance trên cả nước đều sử dụng chai đựng nước thủy tinh thay cho chai nhựa, nhờ đó mỗi năm công ty giảm được hàng nghìn vỏ chai nhựa thải ra môi trường. Cân đối nhu cầu sử dụng của CBNV, EVNFinance hạn chế tối đa khối lượng giấy vệ sinh hàng ngày, hạn chế các thiết bị tiêu thụ điện tại khu vực sảnh chờ, hành lang, phòng relax,...

Trước tình trạng ô nhiễm không khí nặng nề tại các thành phố lớn, EVNFinance khuyến khích và cổ vũ CBNV xây dựng lối sống lành mạnh, thân thiện với môi trường. EVNFinance có một đội ngũ CBNV là những người yêu thích thể thao, tích cực tham gia các giải chạy vì môi trường và các bộ môn thể thao có sự kết nối với thiên nhiên như: leo núi, đạp xe, yoga,... Nhiều CBNV EVNFinance đã và đang duy trì thói quen sử dụng phương tiện công cộng đi làm.

Trong các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, EVNFinance khéo léo lồng ghép kiến thức về phát triển bền vững; thường xuyên trang trí, đổi mới không gian làm việc bằng cây xanh, banner, áp phích với các thông điệp về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

➤ **Hoạt động từ thiện, an sinh xã hội**

*EVNFinance triển khai nhiều hoạt động từ thiện, an sinh xã hội góp phần san sẻ khó khăn với đồng bào. Trong đó, EVNFinance đặc biệt quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội như trẻ em mồ côi, trẻ em vùng sâu vùng xa, người mắc bệnh hiểm nghèo, người dân các vùng bão lũ, thiên tai, hỏa hoạn.*

Tháng 9/2024, nhằm san sẻ mất mát với đồng bào miền Bắc chịu ảnh hưởng từ cơn bão số 3 Yagi, EVNFinance đã ủng hộ 230 triệu đồng thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và 62 triệu đồng thông qua Công đoàn Điện lực Việt Nam. Bên cạnh đó, EVNFinance dành 33 triệu đồng giúp đỡ gia đình các CBNV khắc phục hậu quả sau bão, sớm ổn định cuộc sống và an tâm làm việc.

“Ngày hội hiến máu - Chiến dịch hồng” được tổ chức thường niên và nhận được sự tham gia đông đảo của CBNV. Năm 2024, EVNFinance đóng góp 83 đơn vị máu vào quỹ máu dự trữ của Viện Huyết học truyền máu Trung ương, bằng 30 đơn vị máu so với năm 2023.

Giải chạy “Chạy vì cộng đồng xanh - Mùa 2” với thông điệp “Những bước chân ấm tình nhân ái” của người EVNFinance đã đóng góp được 17.000 km - tương đương với 17 triệu đồng. Số tiền được đóng góp vào quỹ thiện nguyện tặng cháo và quà cho các cháu bệnh nhi khó khăn tại các bệnh viện trên địa bàn Hà Nội.

Vào dịp Tết Trung thu, Đoàn thanh niên EVNFinance đã tổ chức chương trình giao lưu, kết nối “Trung thu cho em” và trao tặng 200 suất quà cho các em nhỏ, người già neo đơn tại Trung tâm Bảo trợ xã hội 3 Hà Nội.

Tham gia giải chạy “EVN Run - Chung sức, Đồng lòng, Thắp sáng niềm tin” do Tập đoàn Điện lực phát động, với tinh thần đồng lòng và quyết tâm, tập thể CBNV EVNFinance đã đạt giải thưởng “Xây nhà đồng nghiệp” trị giá 70 triệu đồng. Nguồn kinh phí được trao tặng cho 02 Công đoàn viên nhằm cải tạo, sửa chữa mái ấm khang trang hơn.

Cũng trong năm 2024, Công đoàn EVNFinance thành lập Quỹ Từ thiện với niềm tin rằng Quỹ sẽ trở thành điểm nhân ái của đông đảo CBNV, gia đình, bạn bè,... Từ đó tạo nguồn lực mạnh mẽ để giúp đỡ nhiều hơn các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành**

#### **3.1. Báo cáo kết quả kinh doanh**

##### **3.1.1. Hoạt động nguồn vốn - Hoàn thành tăng vốn, nâng cao năng lực tài chính, tăng trưởng nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh**

Tổng nguồn vốn huy động đến 31/12/2024 đạt 49.088,6 tỷ đồng, tăng 24,7% so với cuối năm 2023, góp phần đảm bảo thanh khoản và an toàn hoạt động, tuân thủ nghiêm ngặt các tỷ lệ, chỉ số theo quy định của NHNN.

Một trong những kết quả ấn tượng trong hoạt động vốn trong năm 2024 của EVNFinance là tăng quy mô huy động nguồn vốn từ các khách hàng thị trường 1. So với năm 2023, năm 2024 đã tăng 31,3%, từ 28.439 tỷ đồng lên 37.354 tỷ đồng. Điều này góp phần làm ổn định nguồn vốn và giảm thiểu rủi ro trước biến động của thị trường tài chính.

Trong năm 2024, EVNFinance tiếp tục mục tiêu mở rộng thị trường huy động vốn ra các thị trường quốc tế. Bên cạnh tiếp tục huy động từ các đối tác cũ, EVNFinance đã mở rộng quan hệ và huy động từ các đối tác mới như: WLB Asset VI Pte. LTD., Belgian Investment Company for Developing Countries SA/NV, The Trill Impact DWM SGDs Credit Fund, Cardano Impact Financial Inclusion Fund, KGI Bank Co., LTD., Union Bank of Taiwan, Ltd., KEB HANA BANK - HONGKONG BRANCH, E.SUN COMMERCIAL BANK, Ltd., JAPAN ASEAN Women Empowerment Fund, Incofin Climate-Smart Microfinance Fund S.A., SICAV, Nederlandse Financierings-Maatschappij voor Ontwikkelinglanden N.V.FMO... Điều này khẳng định thương hiệu EVNFinance trên thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, Công ty đã tiếp tục thực hiện phát hành giấy tờ có giá để gia tăng nguồn vốn huy động trung và dài hạn trong năm 2024. Công ty tập trung đa dạng tệp các khách hàng tiềm năng và phát triển thêm các khách hàng mới, có vị thế trên thị trường nhằm huy động và duy trì nguồn vốn có kỳ hạn phù hợp, ổn định.

### **3.1.2. Hoạt động cấp tín dụng - Tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch mục tiêu**

Tại 31/12/2024, tổng dư nợ cấp tín dụng (cho vay và trái phiếu doanh nghiệp) của EVNFinance đạt 46.802,9 tỷ đồng. Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam vừa phải tiếp tục khắc phục những ảnh hưởng của đại dịch Covid, vừa phải đối mặt với những thách thức lớn từ những bất ổn kinh tế thế giới, chiến tranh,... EVNFinance đã đặt mục tiêu và có những giải pháp hữu hiệu, thực hiện tăng trưởng tín dụng hiệu quả, an toàn, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận được nguồn vốn tín dụng với lãi suất phù hợp với thực tế huy động vốn của Công ty. Kết quả tăng trưởng hoạt động tín dụng sẽ tạo nền tảng quy mô tài sản vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo của EVNFinance.

Đối với hoạt động cho vay tổ chức kinh tế, Công ty thực hiện duy trì, phát triển cấp tín dụng đối với các dự án liên quan đến phát triển năng lượng mới, sản phẩm tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu ra đời và hoạt động của EVNFinance là điều hoà vốn trong ngành điện, tài trợ vốn cho các dự án trong ngành. Cơ cấu tín dụng được đảm bảo hợp lý, an toàn. Tỷ lệ nợ xấu < 2 % đảm bảo kế hoạch của Công ty và đảm bảo theo quy định của NHNN.

EVNFinance tiếp tục triển khai hoạt động nhận ủy thác quản lý các khoản vay của Chính phủ đối với các dự án ngành Điện, đóng góp vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy các dự án đầu tư, xây dựng, phát triển hệ thống điện quốc gia.

### **3.1.3. Dịch vụ kiểm soát chi và quản lý ủy thác cho vay lại - duy trì theo kế hoạch**

Đến 31/12/2024, EVNFinance đang quản lý giải ngân, thực hiện cho vay lại các dự án với tổng giá trị cam kết tài trợ gần 5 tỷ USD (quy đổi theo tỷ giá tùy theo thời điểm). Các hoạt động kiểm soát chi, giải ngân nhận nợ, các nghiệp vụ quản lý sau cho vay được triển khai đúng tiến độ yêu cầu. Năm 2024, EVNFinance đã hoàn thành kiểm soát chi dự án Hiệu quả lưới điện thành thị vay vốn KFW trước khi đóng Hiệp định vay vào 31/12/2024.

Công tác thu, trả nợ được thực hiện theo đúng quy định tại các văn kiện tín dụng, không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn. Để đảm bảo chất lượng dịch vụ triển khai các dự án đã được giao, EVNFinance đã chú trọng đầu tư nguồn lực, đảm bảo năng lực cho các đơn vị nghiệp vụ để cung cấp dịch vụ tốt nhất đến khách hàng.

### **3.1.4. Kinh doanh tiền tệ trên thị trường liên ngân hàng**

EVNFinance có quan hệ giao dịch tốt, thường xuyên với hầu hết các Tổ chức tín dụng trong nước tại thị trường Việt Nam và một số Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài. EVNFinance đã chủ động cân đối nguồn vốn thông qua việc dự báo dòng tiền đầu ra và dòng tiền đầu vào, từ đó triển khai thực hiện linh hoạt hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng, xây dựng các mối quan hệ bền vững, tốt đẹp với nhiều Tổ chức tín dụng trong nước, các Chi nhánh của Ngân hàng nước ngoài, thực hiện đánh giá và

trao đổi hạn mức với các Định chế tài chính, tạo sự chủ động về nguồn vốn đáp ứng yêu cầu kinh doanh.

### **3.1.5. Đầu tư tài chính**

Danh mục đầu tư của Công ty được đa dạng hóa, triển khai linh hoạt phù hợp với từng thời kỳ từ trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đến giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng khác, góp vốn mua cổ phần,... Việc tham gia đầu tư trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh một mặt đã đóng góp vào sự phát triển chung của Đất nước, mặt khác đảm bảo khả năng thanh khoản và đóng góp hiệu quả cho Công ty.

Hoạt động đầu tư tài chính luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình nghiệp vụ của Công ty và quy định của các Cơ quan quản lý Nhà nước.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có tài chính lành mạnh, ngành nghề kinh doanh chủ yếu là các lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế với mục tiêu nắm giữ dài hạn, đồng hành cùng với sự phát triển của doanh nghiệp và được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều hiệu quả đầu tư.

### **3.1.6. Quản trị rủi ro**

Công tác quản trị rủi ro của EVNFinance trong các năm qua luôn được quan tâm hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và hướng đến mục tiêu quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu: rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro môi trường xã hội và các rủi ro khác theo chiến lược và khẩu vị từng thời kỳ. Thông qua các quy định cụ thể của NHNN đối với các rủi ro nêu trên và xuất phát từ thực tiễn quản trị rủi ro, EVNFinance đã xây dựng các quy chế, quy định phù hợp để kiểm soát các rủi ro có thể xảy ra cũng như đưa các kịch bản phù hợp nhằm giảm thiểu các rủi ro này.

Năm 2024, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thay thế Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; Thông tư 14/2023/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2024. Cùng với đó, Chính phủ ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 Quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái - là 02 chính sách thay đổi, bổ sung, làm rõ các nội dung để phù hợp với Luật các TCTD mới được thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024, từ đó nâng cao sự chặt chẽ, chính xác trong kiểm soát nội bộ,

phân loại tài sản có, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro với TCTD nói chung và công ty tài chính nói riêng. Với cơ chế quản trị nội bộ, EVNFinance luôn chủ động nghiên cứu, thực hiện triển khai rà soát, đánh giá và kiện toàn hệ thống văn bản chính sách, xây dựng các công cụ đánh giá nội bộ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo tuân thủ cũng như tăng cường công tác quản trị rủi ro nội bộ, cụ thể:

- + Quy chế Chấm điểm xếp hạng khách hàng;
- + Quy chế phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;
- + Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro;
- + Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có;
  - ↳ Quy định về hệ thống quản lý môi trường và xã hội;
- + Chính sách quản lý rủi ro môi trường và xã hội;
- + Quy định về cơ cấu nợ;
- + Quy định quản lý rủi ro tín dụng;
- + Quy định quản lý rủi ro thị trường,... và các văn bản pháp luật liên quan.

Hiện nay, các văn bản quy định nội bộ nêu trên và các quy định nội bộ khác đã góp phần ổn định hoạt động của EVNFinance và phát huy vai trò kiểm soát, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của EVNFinance.

Mức độ áp dụng các quy định về quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế:

- EVNFinance thực hiện quản trị ngân hàng tuân thủ và đảm bảo theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam như: Thông tư số 23/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 52/2018/TT-NHNN quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư số 23/2020/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Thông tư 14/2023/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 44/2011/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ,... và các văn bản khác.

- Bên cạnh đó, EVNFinance cũng đã ban hành, sửa đổi các quy định với mục tiêu hướng tới việc đưa hệ thống quản trị rủi ro tiệm cận với các nguyên tắc, chuẩn mực Basel 2 cũng như quy định tại Thông tư 14/2023/TT-NHNN nêu trên, với mô hình tổ chức theo hướng tập trung hóa, chuyên môn hóa, phân tách chức năng, nhiệm vụ rõ ràng theo ba tuyến kiểm soát cho phép tách bạch trách nhiệm giữa chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ đảm bảo tăng năng lực cạnh tranh và kiểm soát được rủi ro.

### **3.2. Tình hình tài chính**

#### **3.2.1. Tổng tài sản**

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2024 đạt 59.598 tỷ đồng, tăng 21% so với thời điểm 31/12/2023, đạt 109% kế hoạch năm. Trong tổng tài sản, dư nợ cấp tín dụng thị

trường 1 chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 78,5%, đây cũng là hoạt động chính đóng góp lợi nhuận ổn định cho Công ty. Song song với việc tăng trưởng về quy mô, EVNFinance luôn duy trì một bảng tổng kết tài sản vững mạnh với khả năng thanh khoản tốt tại mọi thời điểm.

### **3.2.2. Chất lượng tài sản**

Chất lượng tài sản của EVNFinance luôn được đảm bảo qua mọi thời kỳ. Tỷ lệ nợ xấu tại 31/12/2024 là 0,72%, giảm 33% so với năm 2023 (1,08%), hoàn thành và vượt kỳ vọng mục tiêu. EVNFinance đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN tại mọi thời điểm. EVNFinance vận hành tuân thủ chặt chẽ hệ thống các văn bản quy định, đảm bảo hành lang kiểm soát, giám sát tính tuân thủ của các hoạt động kinh doanh, đồng thời với việc vận hành hệ thống quản trị rủi ro đã nêu ở trên, EVNFinance xác định chính xác mức độ rủi ro để có biện pháp quản lý, phòng ngừa kịp thời và biện pháp xử lý thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra.

### **3.2.3. An toàn vốn**

Năm 2024, với nền tảng vốn vững mạnh, tỷ lệ an toàn vốn của EVNFinance luôn >11%, cụ thể tỷ lệ an toàn vốn của EVNFinance tại 31/12/2024 là 12,47%. Trong các năm vừa qua hệ số này của EVNFinance luôn cao hơn mức quy định trên 9% của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 23/2020/TT-NHNN, và các văn bản sửa đổi bổ sung. Nhằm đảm bảo hệ số CAR tuân thủ theo quy định của NHNN, EVNFinance luôn chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn và triển khai các biện pháp kiểm soát quy mô tài sản có rủi ro, xây dựng các giải pháp tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và chiến lược phát triển từng giai đoạn. Bên cạnh đó, các tỷ lệ an toàn thanh khoản như tỷ lệ khả năng thanh khoản ngay, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn,... đều ở mức tốt hơn so với quy định của NHNN, đảm bảo tăng trưởng ổn định phát triển bền vững an toàn.

### **3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

#### **➤ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự phù hợp với yêu cầu kinh doanh của từng thời kỳ**

Ngay từ đầu năm 2024, EVNFinance đã thực hiện kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và bộ máy nhân sự các đơn vị trực thuộc theo định hướng của Hội đồng Quản trị để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty. Trong năm 2024, EVNFinance được NHNN cấp phép thành lập 2 chi nhánh mới, các công tác chuẩn bị cho việc thành lập chi nhánh đang được Công ty gấp rút hoàn thành.

Công ty thường xuyên theo dõi, đánh giá về chuyên môn, năng lực và đạo đức cán bộ để có các phương án luân chuyển, bổ nhiệm, sàng lọc nhân sự phù hợp, hiệu quả. Với mục tiêu không ngừng tạo cơ hội phát triển dành cho các nhân sự trong nội bộ, trong thời gian qua Công ty luôn khuyến khích, động viên, ghi nhận thành tích và có lộ trình

phát triển nghề nghiệp dành cho CBNV trong suốt thời gian làm việc tại Công ty. Việc này đã góp phần tạo ra những giá trị mới, tạo sự chuyển tiếp và kế thừa vững chắc giữa các thế hệ cán bộ, thúc đẩy xây dựng EVNFinance trở thành một định chế tài chính linh hoạt, thích nghi và đáp ứng với mọi thay đổi của thị trường.

➤ **Xây dựng văn hóa doanh nghiệp**

Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp luôn được EVNFinance xác định là một yếu tố cốt lõi, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng các hoạt động, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty. Trong năm 2024, EVNFinance đã tiếp tục triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên. Các chương trình này không chỉ hướng tới việc củng cố các giá trị cốt lõi của Công ty mà còn tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết và sáng tạo.

Văn hóa học tập luôn được chú trọng phát triển tại EVNFinance nhằm hướng đến xây dựng “Tổ chức học tập - Nhân viên hạnh phúc” thông qua việc phát triển thói quen đọc sách và nghiên cứu tài liệu trong toàn thể cán bộ nhân viên. Chương trình “Tặng sách khai xuân” và cuộc thi “Book Review Contest - Người Kể Chuyện Sách” đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ cán bộ nhân viên, khuyến khích việc chia sẻ kiến thức, phát triển năng lực quản trị, lãnh đạo và các kỹ năng mềm.

Các hoạt động gắn kết được Công ty chú trọng triển khai góp phần xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, tạo cơ hội giao lưu, gắn kết giữa các thành viên, tiêu biểu như: Chương trình du xuân Lạng Sơn, Chương trình kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Giải bóng đá Khối thi đua các Tổ chức tín dụng - Khối 5, Chương trình team-building kết hợp với lễ kỷ niệm 16 năm thành lập Công ty, Cuộc thi Trang trí văn phòng Giáng sinh “Let it glow”,... Bên cạnh đó, phát huy tinh thần truyền thống cao đẹp của dân tộc, EVNFinance luôn duy trì các hoạt động tri ân đối với các Bạc Phụ Mẫu nhân dịp Tết Nguyên đán và đội ngũ Giảng viên nội bộ nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. Điều này không chỉ giúp củng cố nền tảng văn hóa Công ty thêm vững mạnh mà còn tạo ra một môi trường lý tưởng để các cán bộ nhân viên thêm gắn kết và yên tâm công tác, khuyến khích đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững trong tương lai.

**3.4. Kế hoạch phát triển**

Công ty triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh theo định hướng phát triển đã đề ra, cụ thể:

- Công ty đặt mục tiêu hàng đầu là luôn đảm bảo nền vốn ổn định vững chắc để thực hiện điều phối vốn một cách hiệu quả vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt. Mở rộng thị trường quốc tế đối với hoạt động huy động vốn.

- Tăng trưởng quy mô và hiệu quả hoạt động theo định hướng phát triển bền vững. Đây là mục tiêu xuyên suốt trong thời gian tới.
- Tiếp tục duy trì các hoạt động dịch vụ, trọng tâm là hoạt động Quản lý ủy thác và Cho vay lại.
- Đổi mới theo định hướng đầu tư phát triển công nghệ số và chuyển đổi số; Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ số và có hàm lượng công nghệ cao, không ngừng vươn lên với những bước tiến mạnh mẽ trong việc xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ đa dạng, mang đến nhiều trải nghiệm mới cho khách hàng, gắn liền với lợi thế cạnh tranh của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng.
- Chú trọng công tác xây dựng thương hiệu, tăng mạnh nhận diện quốc tế thông qua tăng giao dịch với các tổ chức tài chính quốc tế.
- Tiếp tục định vị EVNFinance bằng hệ thống xếp hạng quốc tế.

### **3.5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

Đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính năm 2024 của EVNFinance.

### **3.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

#### **➤ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,...)**

Xem mục 2.6.1

#### **➤ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Người lao động là nguồn lực và yếu tố quyết định đến sự phát triển của doanh nghiệp, EVNFinance đã tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện thông qua chế độ, chính sách nhân sự như sau:

EVNFinance trân trọng những giá trị do người lao động tạo ra và đóng góp cho Công ty, cam kết không sử dụng lao động trẻ em (bao gồm lao động chưa thành niên), lao động cưỡng bức, đảm bảo bình đẳng, không phân biệt quốc tịch, độ tuổi, giới tính, trình độ. Công ty quản lý và đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả CBNV trong quá trình làm việc và tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực.

Ban Lãnh đạo luôn chú trọng đến các chính sách phúc lợi, đảm bảo việc chi trả lương đầy đủ, đúng hạn và thực hiện các chế độ liên quan được thỏa thuận trong Hợp đồng lao động, theo điều lệ và các quy định của Công ty. Ngoài ra, định kỳ hàng năm Công ty cũng phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý từ cán bộ nhân viên để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng trách nhiệm với cộng đồng trong việc liên

quan đến việc tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo tại chỗ cho các sinh viên. Công ty duy trì và tổ chức chương trình “Thực tập sinh tài năng” hàng năm, tạo cơ hội cho các sinh viên năm cuối được tiếp cận thực tập tại các vị trí công việc thực tế giúp sinh viên rèn luyện kiến thức, kỹ năng và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp. Năm 2024, kết thúc chương trình thực tập sinh đã có 02 sinh viên ưu tú được tiếp nhận làm nhân sự nguồn tiềm năng cho Công ty.

- **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng**  
Xem mục 2.6.4.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- *Hoạt động kinh doanh năm 2024 tăng trưởng so với năm 2023*
- Tổng tài sản đạt: 59.598 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2023.
  - Tỷ lệ nợ xấu: 0,72% (< 2% theo kế hoạch của Công ty).
- *Lợi nhuận trước thuế năm 2024 tăng trưởng so với năm 2023*
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 703,7 tỷ đồng.
  - Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân lần lượt ở mức 6,43% và 1,08%.
  - Dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định.

- *Hoạt động an toàn*

EVNFinance luôn tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn, giới hạn cấp tín dụng, tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, giới hạn góp vốn mua cổ phần được quy định tại Thông tư số 23/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung.

##### **4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc EVNFinance đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, dám nghĩ dám làm, quyết liệt, chuyên nghiệp và có nhiều đổi mới, vượt qua các thách thức của thị trường. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thể hiện tính tuân thủ đối với các quy định về quản trị, điều hành, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo, điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được kết quả bứt phá rất đáng ghi nhận, hoàn thành vượt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2024 ĐHĐCĐ đã giao phó.

#### **4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị đã xác định các mục tiêu cụ thể bám sát mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua:

- Tăng quy mô tổng tài sản, tăng trưởng lợi nhuận phù hợp với kết quả tăng Vốn Điều lệ đã thực hiện thành công trong năm 2023.
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành và kiểm soát.
- Tìm kiếm, phát triển quan hệ với các nhà đầu tư chiến lược, tăng năng lực nguồn vốn chủ sở hữu.
- Đảm bảo nền vốn hiệu quả, ổn định, đảm bảo thanh khoản trong mọi tình huống để thực hiện điều phối vốn một cách hiệu quả vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt; Tiếp tục mở rộng thị trường vốn quốc tế.
- Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới dựa trên nền tảng công nghệ số và có hàm lượng công nghệ cao, không ngừng vươn lên với những bước tiến mạnh mẽ trong việc xây dựng hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ đa dạng, mang đến nhiều trải nghiệm mới cho khách hàng.
- Xây dựng lộ trình, chính sách liên quan đến tích hợp các yếu tố phát triển bền vững ESG vào hoạt động kinh doanh và giám sát tình hình thực hiện.
- Chú trọng công tác xây dựng hình ảnh, thương hiệu và chiến lược marketing, đẩy mạnh nhận diện quốc tế thông qua tăng giao dịch với các tổ chức tài chính quốc tế.
- Tiếp tục định vị EVNFinance bằng hệ thống xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

### **V. Quản trị Công ty**

#### **5.1. Hội đồng Quản trị**

##### **5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị**

###### **➤ Thông tin về nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị của EVNFinance:**

- EVNFinance thực hiện tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 ngày 16/06/2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2017 ngày 20/11/2017, Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

- Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 của EVNFinance đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bầu ra tại phiên họp ngày 17/3/2023, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật đối với hoạt động của doanh nghiệp là một công ty đại chúng. Bên cạnh đó, là một tổ chức tín dụng, hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, được thành lập và hoạt động theo Luật các Tổ chức Tín dụng, chịu sự quản lý trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, công tác nhân sự của EVNFinance tuân thủ các quy định rất chặt chẽ, khắt khe về tiêu chuẩn và thủ tục lựa chọn lãnh đạo cấp cao.

###### **➤ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị**

| STT | Họ và tên              | Chức danh (Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT |                 |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|
|     |                        |                                                                      | Ngày bổ nhiệm                     | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Phạm Trung Kiên    | Thành viên HĐQT (không điều hành)                                    | 17/3/2023                         |                 |
|     |                        | Chủ tịch HĐQT (không điều hành)                                      | 24/3/2023                         |                 |
| 2   | Ông Lê Mạnh Linh       | Thành viên HĐQT (không điều hành)                                    | 17/3/2023                         |                 |
|     |                        | Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)                                  | 16/5/2024                         |                 |
| 3   | Ông Mai Danh Hiền      | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc                                   | 17/3/2023                         |                 |
| 4   | Ông Nguyễn Trung Thành | Thành viên HĐQT (không điều hành)                                    | 17/3/2023                         |                 |
| 5   | Ông Lê Hoài Nam        | Thành viên độc lập HĐQT                                              | 17/3/2023                         |                 |
| 6   | Ông Nguyễn Văn Hải     | Thành viên độc lập HĐQT                                              | 17/3/2023                         |                 |

Số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là 05 thành viên, số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị là 02 thành viên, đáp ứng và đáp ứng vượt tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty, là yếu tố tích cực tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng Quản trị, góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông.

EVNFinance đáp ứng thông lệ tốt: Hiện HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 không có thành viên là người đã từng đảm nhận vị trí Tổng Giám đốc Công ty trong khoảng thời gian 2 (hai) năm trước khi đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT.

#### **Kinh nghiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị:**

Các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 là các nhà lãnh đạo có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, luật... đã và đang có những đóng góp tích cực đối với hoạt động của Công ty. Có 04 (bốn) thành viên Hội đồng Quản trị Công ty là thành viên không điều hành có bề dày kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng là lĩnh vực hoạt động của EVNFinance.

| STT | Họ và tên           | Chức danh     | Kinh nghiệm                                                                                                                                                |
|-----|---------------------|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ông Phạm Trung Kiên | Chủ tịch HĐQT | Giữ nhiều vị trí quản lý và lãnh đạo trong các tổ chức tín dụng như: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Quốc Tế, Ngân hàng TMCP Bản Việt. |

| STT | Họ và tên              | Chức danh                      | Kinh nghiệm                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | Ông Lê Mạnh Linh       | Phó Chủ tịch HĐQT              | Giữ nhiều vị trí lãnh đạo quản lý tại các doanh nghiệp như CTCP Bánh kẹo Hải Hà, CTCP Quản lý Quỹ Amber và tổ chức tín dụng như Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP An Bình.                |
| 3   | Ông Mai Danh Hiền      | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc | Công tác trong lĩnh vực kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Kế toán, Công ty TNHH Kiểm toán APEC, kiểm soát viên Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả và đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng tại EVNFinance.        |
| 4   | Ông Nguyễn Trung Thành | Thành viên HĐQT                | Giữ vị trí quản lý tại Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu, và đã từng giữ vị trí Trưởng phòng Xử lý nợ tại EVNFinance.                                                                                           |
| 5   | Ông Lê Hoài Nam        | Thành viên độc lập HĐQT        | Công tác trong lĩnh vực bảo hiểm và giữ nhiều vị trí lãnh đạo cấp cao tại Công ty Tái bảo hiểm PVI, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội.                                               |
| 6   | Ông Nguyễn Văn Hải     | Thành viên độc lập HĐQT        | Làm việc và giữ các vị trí quản lý, điều hành trong lĩnh vực pháp chế, xử lý nợ, quản lý nợ và khai thác tài sản tại các tổ chức tín dụng như: Techcombank, Techcombank AMC, SHB, VietA Bank và một số doanh nghiệp khác tại Việt Nam. |

➤ **Chức danh tại các Công ty khác của thành viên HĐQT tại thời điểm 31/12/2024**

EVNFinance tuân thủ quy định pháp luật và theo quy định tại Điều lệ EVNFinance cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của EVNFinance, các thành viên HĐQT của EVNFinance luôn đảm bảo thực hiện đúng quy định về việc không giữ vị trí thành viên HĐQT tại hơn 5 doanh nghiệp khác. Cụ thể như sau:

| STT | Họ và Tên              | Chức danh                           | Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác                                               |
|-----|------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ông Phạm Trung Kiên    | Chủ tịch HĐQT (không điều hành)     | -                                                                                                    |
| 2   | Ông Lê Mạnh Linh       | Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành) | -                                                                                                    |
| 3   | Ông Mai Danh Hiền      | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc      | -                                                                                                    |
| 4   | Ông Nguyễn Trung Thành | Thành viên HĐQT (không điều hành)   | Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Amya Holdings                                                      |
| 5   | Ông Lê Hoài Nam        | Thành viên độc lập HĐQT             | Chủ sở hữu Công ty Cổ phần eNAD;<br>Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội |
| 6   | Ông Nguyễn Văn Hải     | Thành viên độc lập HĐQT             | Chủ sở hữu/Dại diện theo pháp luật - Công ty Luật TNHH Một thành viên Nguyễn Hải và Anh Em           |

### 5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

- ❖ **Ủy ban Nhân sự (UBNS):** Ủy ban Nhân sự đã tham mưu cho HĐQT về việc rà soát, đề xuất củng cố cơ chế quản trị nhân sự theo hướng thích ứng phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, tăng trưởng quy mô và hiệu quả hoạt động. Theo đó Ủy ban Nhân sự đã tham mưu sâu cho HĐQT về đánh giá thực trạng đối với các lĩnh vực xây dựng, giao, đánh giá hiệu quả công việc từ đơn vị đến cá nhân, cơ chế/chính sách khen thưởng, tạo động lực cho cán bộ nhân viên Công ty, đảm bảo các yếu tố có giá trị thúc đẩy thiết thực và kịp thời; tham mưu về cơ chế thù lao, phụ cấp, thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành để HĐQT trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua; cơ chế tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự, cơ chế tiền lương phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty; cơ chế phân cấp thẩm quyền trong công tác quản trị nhân sự,...

#### **Thành viên Ủy ban Nhân sự:**

- Chủ tịch UBNS: Ông Phạm Trung Kiên, Chủ tịch HĐQT
- Các thành viên UBNS:
  - + Ông Mai Danh Hiền, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
  - + Ông Lê Mạnh Linh, Phó Chủ tịch HĐQT
  - + Bà Bùi Thị Việt Hà, Giám đốc Khối Nguồn Nhân lực
  - + Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Giám đốc Khối Quản trị điều hành

- ❖ **Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR):** Ủy ban Quản lý rủi ro đã tham mưu cho HĐQT về chiến lược quản lý rủi ro, chính sách rủi ro, mức độ chấp nhận rủi ro và giới hạn cho phép về rủi ro; về việc ban hành các quy định, chính sách thuộc thẩm quyền của Ủy ban Quản lý rủi ro liên quan đến quản trị rủi ro; phân tích những cảnh báo về mức độ an toàn của Công ty trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này; về việc xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Công ty để đưa ra các khuyến nghị cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động của Công ty; đề xuất với HĐQT những yêu cầu tập trung cho việc xử lý các khoản nợ tồn đọng. Trong kỳ, HĐQT đã ban hành khẩu vị rủi ro của EVNFinance với sự tham mưu từ UBQLRR.

***Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro:***

- Chủ tịch UBQLRR: Ông Lê Hoài Nam, Thành viên độc lập HĐQT
- Các thành viên UBQLRR:
  - + Ông Nguyễn Văn Hải, Thành viên độc lập HĐQT
  - + Ông Nguyễn Trung Thành, Thành viên HĐQT
  - + Ông Lê Anh Tuấn, Phó Tổng Giám đốc
  - + Ông Ngô Thế Thảo, Trưởng phòng Quản lý rủi ro và Tái thẩm định

- ❖ **Ủy ban Chiến lược (UBCL):** Ủy ban Chiến lược được thành lập tháng 9/2023 với nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về việc xây dựng định hướng, hoạch định mục tiêu chiến lược của Công ty, theo dõi, giám sát thực hiện, tham mưu cho HĐQT về việc phê duyệt các giải pháp, chính sách phát triển Công ty trong từng giai đoạn, thời kỳ. Trong kỳ, Ủy ban Chiến lược đã tập trung tham mưu cho Hội đồng Quản trị xác định chiến lược phát triển gắn với ESG, trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua Lựa chọn chiến lược phát triển EVNFinance theo hướng tích hợp các yếu tố bền vững vào hoạt động kinh doanh, giao HĐQT các nhiệm vụ cụ thể. Ủy ban Chiến lược đã tham mưu, đề xuất HĐQT các chương trình làm việc cụ thể, tiếp cận các thông lệ tiên tiến của thế giới và Việt Nam, các chính sách của Chính phủ Việt Nam nhằm định hướng, chỉ đạo Ban Điều hành có những hành động phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Năm thứ 2 liên tiếp, EVNFinance đã phát hành Báo cáo phát triển bền vững riêng biệt cho năm 2023.

***Thành viên Ủy ban Chiến lược:***

- Chủ tịch UBCL: Ông Lê Mạnh Linh, Phó Chủ tịch HĐQT
- Các thành viên UBCL:
  - + Ông Phạm Trung Kiên, Chủ tịch HĐQT
  - + Ông Mai Danh Hiền, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
  - + Ông Nguyễn Văn Hải, Thành viên độc lập HĐQT

### **5.1.3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Bám sát và kiên định với định hướng chiến lược phát triển của EVNFinance, Hội đồng Quản trị đã xác định định hướng hoạt động năm 2024 và các năm tiếp theo, chỉ đạo xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024 với những mục tiêu tăng trưởng về cả quy mô và hiệu quả hoạt động, song hành cùng việc đảm bảo an toàn hoạt động; nâng cao năng lực quản trị, điều hành và kiểm soát; chú trọng đặc biệt tới mục tiêu phát triển gắn với ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị), tiếp tục khẳng định cam kết trách nhiệm và sự tận tâm của EVNFinance đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Tháng 5/2024, Hội đồng Quản trị đã quyết định bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT đối với thành viên Hội đồng Quản trị Ông Lê Mạnh Linh. Ông Lê Mạnh Linh là Chủ tịch Ủy ban Chiến lược HĐQT EVNFinance, một trong những nhiệm vụ trọng yếu của Ủy ban Chiến lược là nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc triển khai ESG tại EVNFinance. Cũng trong tháng 5/2024, HĐQT quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực thi ESG tại EVNFinance, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể. Việc HĐQT bổ nhiệm ông Lê Mạnh Linh trở thành Phó Chủ tịch HĐQT và thành lập bộ phận chuyên môn là bước đi cần thiết để EVNFinance bám sát các mục tiêu bền vững của mình trong giai đoạn hiện tại.

Trong năm 2024, nhằm củng cố, mở rộng hệ thống mạng lưới hoạt động Công ty, HĐQT đã phê duyệt việc thành lập 02 Chi nhánh tại thành phố Hà Nội và thành phố Hải Phòng, EVNFinance đã trình và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc thành lập các Chi nhánh. Tháng 12/2024, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội và chỉ đạo chuẩn bị cho việc khai trương và đi vào hoạt động chi nhánh trong những tháng đầu năm 2025.

Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành thông qua quy định phân cấp và các quy định nội bộ Công ty ban hành. Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền của HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo và trình HĐQT xem xét, quyết định, chỉ đạo hoạt động của Công ty kịp thời.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị thực hiện tuân thủ chặt chẽ các quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty.

Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý và các kỳ họp bất thường để đảm bảo xử lý kịp thời các công việc. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 15 phiên họp chính thức, trực tiếp giải quyết, quyết định các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị điều hành, kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ tham dự các phiên họp trong năm 2024 của các thành viên HĐQT là 100%. HĐQT cũng tổ chức các phiên làm việc không chính thức tại văn phòng Công ty hàng tuần, trao đổi, thảo luận nội bộ nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh cũng như các vấn đề liên quan cần thiết đối với hoạt động của Công ty.



Trong năm, Hội đồng Quản trị đã ban hành 76 Nghị quyết, 26 Quyết định nhằm chỉ đạo các hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị đã giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Điều hành thông qua các hoạt động tổ chức chỉ đạo, rà soát, củng cố đảm bảo hệ thống quy định nội bộ hiện hành (quy chế, quy định, quy trình) được kịp thời cập nhật phù hợp các quy định của pháp luật và chiến lược phát triển của Công ty. Trong năm, HĐQT đã ban hành sửa đổi các bộ quy định đối với hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo, tăng cường tính chặt chẽ của hệ thống.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo, giám sát hoạt động công bố thông tin, đảm bảo EVNFinance thực hiện đúng, đủ các quy định pháp luật, giúp cho cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt đầy đủ, kịp thời thông tin của EVNFinance.

Nhằm đảm bảo điều kiện hoạt động quản trị tuân thủ quy định của pháp luật, thông lệ tiên tiến và nhu cầu thực tế, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với Người phụ trách quản trị Công ty.

#### **5.1.4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị**

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo Quy chế/quy định nội bộ của Công ty và theo Quyết định/Phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT một cách cẩn trọng, trung thực, khách quan góp phần thành công trong kết quả kinh doanh năm 2024 của Công ty.

- Tham gia các cuộc họp HĐQT và đã đưa ra các ý kiến đối với các vấn đề được thông qua tại cuộc họp và các vấn đề được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo vai trò, vị trí đảm nhiệm được phân công, hỗ trợ HĐQT một cách kịp thời, hiệu quả.

***Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của HĐQT, các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị và các hoạt động khác trong năm 2024:***

##### **➤ Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT**

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhằm khai thác tốt nhất các thế mạnh của thành viên HĐQT. Trong năm, các thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện các công việc cụ thể trong lĩnh vực được phân công. Trong năm, HĐQT đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, làm cơ sở triển khai hiệu quả công việc theo mục tiêu đã đề ra. Các hoạt động của HĐQT đã được thực hiện đúng theo kế hoạch đưa ra. Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thận trọng trong việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình.

- Trên cơ sở phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thực hiện ban hành và công bố thông tin các tài liệu gồm:

(1) Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty;

(2) Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT;

(3) Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.

- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 15 cuộc họp trực tiếp tại trụ sở Công ty. Các thành viên HĐQT đều tham gia vào các buổi họp của HĐQT, nghiêm túc nghiên cứu về hoạt động hoạch định chính sách, chiến lược, khẩu vị rủi ro, kế hoạch kinh doanh, hoạt động quản trị; Giám sát hoạt động của Ban Điều hành, giám sát chỉ đạo thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác cũng như tuân thủ các quy định pháp luật.

- Các cuộc họp đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát, được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, cung cấp tài liệu họp đầy đủ, đảm bảo thời gian theo quy định nội bộ Công ty và quy định pháp luật.

- Các vấn đề liên quan đến kế hoạch kinh doanh, các hoạt động kinh doanh, thay đổi nhân sự, chính sách môi trường và xã hội,... đều được HĐQT trao đổi kỹ lưỡng với Ban Tổng Giám đốc, thảo luận và đánh giá đầy đủ để đưa ra những quyết định phù hợp nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

- Bên cạnh các cuộc họp HĐQT với đầy đủ thành phần theo quy định, các Thành viên HĐQT không điều hành (không có sự tham gia của Thành viên HĐQT kiêm TGĐ) cũng có các buổi thảo luận, trao đổi về một số nội dung như: Đánh giá, nhận định diễn biến kinh tế, thị trường tài chính trong và ngoài nước, tác động tới hệ thống và EVNFinance; Diễn biến xu hướng ESG của thị trường; Diễn biến tăng trưởng tín dụng của hệ thống; Xu hướng chuyển đổi số, ... để có góc nhìn đa chiều, từ đó có những đánh giá khách quan đến các hoạt động của Công ty.

- Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 76 nghị quyết và 26 quyết định về các mặt hoạt động của Công ty.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát các quy định nội bộ phù hợp với các quy định mới của Luật các TCTD 2024 và các quy định hướng dẫn liên quan.

- Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp, năm 2024, các thành viên HĐQT tham gia các hoạt động gắn kết với cán bộ nhân viên EVNFinance do Ban Điều hành và Công đoàn phát động như các chương trình từ thiện, hiến máu, giải chạy,... với mục tiêu, lấy con người EVNFinance là trung tâm của phát triển bền vững;

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức làm việc với nhiều đơn vị tư vấn trong nước và quốc tế, đánh giá, tìm hiểu, cập nhật về xu hướng ESG để có những định hướng phù hợp đối với hoạt động của Công ty.

- Các thành viên HĐQT đã tham gia và đề nghị/yêu cầu các thành viên Ban Điều hành, người phụ trách quản trị Công ty tham các chương trình hội thảo, đào tạo phù hợp, hữu ích về công tác quản trị; HĐQT đã đặt kế hoạch đào tạo cho năm tiếp theo 2025.

➤ **Đánh giá về hoạt động của các ủy ban do HĐQT thành lập:**

- Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật gồm Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro, được duy trì hoạt động theo lịch họp định kỳ hoặc đột xuất nhằm tham vấn cho Hội đồng Quản trị tăng cường hiệu quả hoạt động, kịp thời đưa ra các quyết định liên quan đến chính sách nhân sự, chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

- Ủy ban Chiến lược với nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về việc xây dựng định hướng, xây dựng mục tiêu chiến lược cho Công ty, các giải pháp và chính sách phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

➤ **Đánh giá công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành**

- HĐQT giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc thông qua các hoạt động tổ chức chỉ đạo hoàn thiện hệ thống các quy định nội bộ.

- HĐQT tăng cường chức năng giám sát đối với hoạt động của Ban Điều hành thông qua các chương trình, kế hoạch kinh doanh định kỳ quý, năm và giám sát đối với tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, giám sát thực hiện các kiến nghị của HĐQT.

- HĐQT tương tác với Người phụ trách quản trị của Công ty và một số đơn vị trong Công ty để nắm rõ hơn về tình hình hoạt động của Công ty.

- Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đã có những đánh giá khách quan về hệ thống văn bản quy định nội bộ của Công ty, đưa ra định hướng công tác xây dựng hệ thống văn bản quy định nội bộ, đồng thời, có ý kiến với Tổng Giám đốc để tối ưu hơn nữa việc xây dựng mô hình tra cứu văn bản nội bộ của Công ty.

- Các Thành viên độc lập HĐQT (thuộc Ủy ban Quản lý rủi ro) đã chủ động hỗ trợ Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong lĩnh vực quản trị rủi ro, nhằm giúp nhận diện sớm các vấn đề rủi ro có thể xảy ra và duy trì tính ổn định, bền vững cho các hoạt động của Công ty.

- Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị đã thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành trong việc thực hiện quy định đối với việc công bố thông tin, đặc biệt là các giao dịch liên quan đến sở hữu cổ phiếu EVF, giao dịch với người liên quan đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

➤ **Đánh giá về giao dịch liên quan đến người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ của EVNFinance**

- Trong năm 2024, HĐQT đã phê duyệt các giao dịch với Người có liên quan của người nội bộ EVNFinance (ông Lê Hoài Nam), liên quan đến hoạt động EVNFinance mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên EVNFinance.

- Các hoạt động này đều được Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn, đúng thẩm quyền phê duyệt và đúng hạn mức giao dịch theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.

**5.1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

**Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm**

Ngay từ đầu năm, Hội đồng Quản trị đã xác định và bám sát mục tiêu, xây dựng kế hoạch đào tạo trong hoạt động quản trị Công ty. Trong năm, tất cả các thành viên HĐQT đã tham gia các chương trình đào tạo hữu ích, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động. Cụ thể như sau:

| STT | Khóa đào tạo đã tham gia                                                                                                                         | Thời gian đào tạo            | Đối tượng tham gia   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------|
| 1   | Hội thảo chuyên sâu: “Thực hành Quản trị Công ty tốt vượt trên tuân thủ”                                                                         | Tháng 01/2024                | Chủ tịch HĐQT        |
| 2   | Công ty TNHH Deloitte Việt Nam trao đổi về báo cáo phát triển bền vững                                                                           | Tháng 5/2024                 | Các thành viên HĐQT  |
| 3   | Công ty TNHH KPMG trao đổi về ESG tại công ty tài chính                                                                                          | Tháng 6/2024                 | Các thành viên IIDQT |
| 4   | Khóa học Quản trị bằng văn hóa - Management by Culture” (MBC)                                                                                    | Tháng 11/2024                | Các thành viên HĐQT  |
| 5   | Khóa Huấn luyện cấp cao dành cho Lãnh đạo doanh nghiệp                                                                                           | Tháng 11/2024 - Tháng 6/2025 | Các thành viên HĐQT  |
| 6   | Diễn đàn thường niên lần thứ 7 “Đầu tư vào Quản trị Công ty - Chiến lược thu hút nhà đầu tư có trách nhiệm trong xu thế toàn cầu hóa thị trường” | Tháng 12/2024                | Các thành viên HĐQT  |

Bên cạnh đó, người phụ trách quản trị Công ty và các nhân sự trong các bộ phận hỗ trợ đã được HĐQT cử tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu như “Chương trình chuyên sâu về Thư ký quản trị công ty CSMP3”, tham dự Hội nghị Những vấn đề lưu ý trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán của công ty đại chúng, công ty niêm yết nhằm hỗ trợ thực hành tốt vai trò, trách nhiệm của Công ty.

**5.2. Ban Kiểm soát**

**5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát**

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ -TCĐL ngày 17/3/2023 do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 có 3 thành viên. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2024 là 03 thành viên.

| STT | Họ và tên           | Chức danh                | Ngày bắt đầu là Thành viên Ban Kiểm soát |
|-----|---------------------|--------------------------|------------------------------------------|
| 1   | Ông Lê Long Giang   | Trưởng Ban Kiểm soát     | 17/3/2023                                |
| 2   | Bà Lê Khánh Ngọc    | Thành viên Ban Kiểm soát | 17/3/2023                                |
| 3   | Ông Nghiêm Khắc Đạt | Thành viên Ban Kiểm soát | 17/3/2023                                |

### **5.2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

**Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính bao gồm:**

- Giám sát việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2024; giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.

- Giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty như Huy động vốn, Tín dụng, Đầu tư,...

- Giám sát Phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB) thực hiện kiểm toán các hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác theo Kế hoạch KTNB 2024 được Ban Kiểm soát phê duyệt; yêu cầu Phòng KTNB thực hiện các cuộc kiểm toán đột xuất phát sinh trong năm.

- Thẩm định Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2024 trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty; Rà soát các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD theo quy định tại Chương VII của Luật TCTD 2024.

- Theo dõi, cập nhật danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông nắm từ 1% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan đến thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành.

Năm 2024, Ban Kiểm soát tổ chức 12 phiên họp Ban Kiểm soát; tham gia các buổi họp HĐQT, các cuộc họp triển khai kế hoạch kinh doanh hàng quý và một số cuộc họp khác của Công ty.

### **5.3. Các giao dịch, lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác**

#### **5.3.1. Lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

➤ Thu nhập của Hội đồng Quản trị

| Đơn vị tính: Triệu đồng |         |
|-------------------------|---------|
| Họ và tên               | Số tiền |
| Ông Phạm Trung Kiên     | 1.619   |
| Ông Lê Mạnh Linh        | 539     |

| Họ và tên              | Số tiền |
|------------------------|---------|
| Ông Nguyễn Trung Thành | 539     |
| Ông Lê Hoài Nam        | 539     |
| Ông Nguyễn Văn Hải     | 539     |

➤ Thu nhập của Ban Kiểm soát

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Họ và tên           | Số tiền |
|---------------------|---------|
| Ông Lê Long Giang   | 1.079   |
| Bà Lê Khánh Ngọc    | 742     |
| Ông Nghiêm Khắc Đạt | 404     |

➤ Thu nhập của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Họ và tên                 | Số tiền | Ghi chú                      |
|---------------------------|---------|------------------------------|
| Ông Mai Danh Hiền         | 2.334   |                              |
| Ông Lê Anh Tuấn           | 1.446   |                              |
| Ông Hoàng Thế Hưng        | 439     | Miễn nhiệm từ ngày 01/4/2024 |
| Ông Đào Lê Huy            | 1.501   |                              |
| Bà Tôn Thị Hải Yến        | 1.292   |                              |
| Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn | 274     | Miễn nhiệm từ ngày 08/3/2024 |
| Ông Mai Xuân Đông         | 725     |                              |
| Ông Hoàng Nhật Nam        | 824     |                              |
| Ông Tống Nhật Linh        | 1.012   |                              |
| Ông Nguyễn Tiến Sỹ        | 49      | Bổ nhiệm từ ngày 10/12/2024  |

**5.3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

Trong năm, các giao dịch được công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Thông tin được cập nhật tại Báo cáo Quản trị Công ty năm 2024.

**5.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ**

Thông tin được cập nhật tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo Quản trị Công ty năm 2024.

**5.3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Công ty khẳng định luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty gồm Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, và các văn bản quy định pháp luật khác có liên quan về quản trị công ty.

**VI. Báo cáo tài chính**

**6.1. Ý kiến kiểm toán**

Báo cáo Kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C gửi cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán ký ngày 21/02/2025.

**6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm.

Báo cáo thường niên đã được Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực thông qua ngày 17/3/2025.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2025

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
  
  
**MÀT ĐANH HIỀN**



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                 | Trang   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục                                                                                      | 1       |
| 2. Thông tin chung                                                                              | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo Ban điều hành                                                                        | 4       |
| 4. Báo cáo kiểm toán độc lập                                                                    | 5 - 6   |
| 5. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024                                    | 7 - 9   |
| 6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10      |
| 7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024           | 11 - 12 |
| 8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024    | 13 - 54 |

\*\*\*\*\*



# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung mới nhất theo Quyết định số 122/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Huy động vốn dưới các hình thức nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;
- ▶ Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp và cho vay tiêu dùng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; và
- ▶ Các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bao gồm mở và quản lý tài khoản tiền gửi, tiền vay cho khách hàng; góp vốn mua cổ phần; đại lý kinh doanh bảo hiểm; cung ứng dịch vụ tư vấn; cung ứng dịch vụ quản lý và bảo quản tài sản; mua bán trái phiếu Chính phủ; kinh doanh ngoại hối; mua bán nợ.

Vốn điều lệ của Công ty: 7.605.658.020.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (84-24) 2222.9999.

Fax : (84-24) 2222.1999.

Mã số thuế : 0102806367.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

|                        |                    |                                        |
|------------------------|--------------------|----------------------------------------|
| Ông Phạm Trung Kiên    | Chủ tịch           | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2023     |
| Ông Lê Mạnh Linh       | Phó Chủ tịch       | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2024     |
|                        | Thành viên         | Bổ nhiệm lại ngày 17 tháng 03 năm 2023 |
| Ông Mai Danh Hiền      | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023     |
| Ông Nguyễn Trung Thành | Thành viên         | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023     |
| Ông Lê Hoài Nam        | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023     |
| Ông Nguyễn Văn Hải     | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023     |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

|                     |            |                                    |
|---------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Lê Long Giang   | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 03 năm 2023 |
| Bà Lê Khánh Ngọc    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023 |
| Ông Nghiêm Khắc Đạt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2023 |

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

## BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày lập báo cáo này gồm:

|                           |                                |                                      |
|---------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|
| Ông Mai Danh Hiền         | Tổng Giám đốc                  | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2023   |
| Ông Đào Lê Huy            | Phó Tổng Giám đốc              | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2020   |
| Ông Hoàng Thế Hưng        | Phó Tổng Giám đốc              | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2020   |
| Ông Lê Anh Tuấn           | Phó Tổng Giám đốc              | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2024 |
| Bà Tôn Thị Hải Yến        | Phó Tổng Giám đốc              | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2015   |
| Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn | Phó Tổng Giám đốc              | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2023   |
| Ông Nguyễn Tiến Sỹ        | Giám đốc Chi nhánh Hà Nội      | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2023   |
| Ông Hoàng Nhật Nam        | Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh | Miễn nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2024 |
| Ông Mai Xuân Đông         | Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng     | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2024   |
| Ông Tống Nhật Linh        | Kế toán trưởng                 | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2023   |
|                           |                                | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2012   |
|                           |                                | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2021   |

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và vào ngày lập báo là Ông Mai Danh Hiền – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 07 năm 2023)

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Mai Danh Hiền  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 21 tháng 02 năm 2025



Số: 2.0082/25/TC - AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("Công ty") được lập ngày 21 tháng 02 năm 2025 và được trình bày từ trang 7 đến trang 54, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 07 tháng 02 năm 2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH HÀ NỘI



**Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2025

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

| STT         | Chỉ tiêu                                                             | Thuyết minh | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|-------------|----------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>A -</b>  | <b>TÀI SẢN</b>                                                       |             |                   |                   |
| <b>I</b>    | <b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>                                    | <b>V.1</b>  | <b>4.360</b>      | <b>1.546</b>      |
| <b>II</b>   | <b>Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam ('NHNN')</b>             | <b>V.2</b>  | <b>497.213</b>    | <b>1.304.924</b>  |
| <b>III</b>  | <b>Tiền gửi và cho vay các TCTD khác</b>                             | <b>V.3</b>  | <b>4.891.725</b>  | <b>9.956.408</b>  |
| 1.          | Tiền gửi tại các TCTD khác                                           | V.3.1       | 4.891.725         | 9.035.288         |
| 2.          | Cho vay các TCTD khác                                                | V.3.2       | -                 | 921.120           |
| <b>IV</b>   | <b>Chứng khoán kinh doanh</b>                                        | <b>V.4</b>  | <b>714.205</b>    | <b>-</b>          |
| 1.          | Chứng khoán kinh doanh                                               |             | 714.205           | -                 |
| <b>V</b>    | <b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b> |             | <b>-</b>          | <b>116.840</b>    |
| <b>VI</b>   | <b>Cho vay khách hàng</b>                                            |             | <b>46.306.649</b> | <b>33.092.777</b> |
| 1.          | Cho vay khách hàng                                                   | V.6         | 46.802.982        | 33.553.388        |
| 2.          | Dự phòng rủi ro cho khách hàng                                       | V.7         | (496.333)         | (460.611)         |
| <b>VII</b>  | <b>Chứng khoán đầu tư</b>                                            | <b>V.8</b>  | <b>1.902.188</b>  | <b>1.560.097</b>  |
| 1.          | Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                                   |             | 2.082.175         | 1.664.741         |
| 2.          | Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán                                 |             | (179.987)         | (104.644)         |
| <b>VIII</b> | <b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>                                       |             | <b>1.826.477</b>  | <b>997.591</b>    |
| 1.          | Đầu tư dài hạn khác                                                  | V.9         | 1.881.987         | 1.006.177         |
| 2.          | Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn                                     |             | (55.510)          | (8.586)           |
| <b>IX</b>   | <b>Tài sản cố định</b>                                               |             | <b>65.309</b>     | <b>75.862</b>     |
| 1.          | Tài sản cố định hữu hình                                             | V.10        | 23.642            | 28.468            |
| a.          | Nguyên giá                                                           |             | 107.534           | 108.382           |
| b.          | Giá trị hao mòn lũy kế                                               |             | (83.892)          | (79.914)          |
| 2.          | Tài sản cố định vô hình                                              | V.11        | 41.667            | 47.394            |
| a.          | Nguyên giá                                                           |             | 99.074            | 96.377            |
| b.          | Giá trị hao mòn lũy kế                                               |             | (57.407)          | (48.983)          |
| <b>X</b>    | <b>Tài sản có khác</b>                                               | <b>V.12</b> | <b>3.390.435</b>  | <b>2.115.086</b>  |
| 1.          | Các khoản phải thu                                                   | V.12.1      | 1.958.713         | 545.571           |
| 2.          | Các khoản lãi, phí phải thu                                          | V.12.2      | 1.422.608         | 1.683.350         |
| 3.          | Tài sản Có khác                                                      | V.12.3      | 70.538            | 76.863            |
| 4.          | Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bằng khác           | V.12.4      | (61.424)          | (190.698)         |
|             | <b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>                                               |             | <b>59.598.561</b> | <b>49.221.131</b> |

**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

| STT          | Chỉ tiêu                                                              | Thuyết minh | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>B</b>     | <b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                  |             |                   |                   |
| <b>II</b>    | <b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>                                  | <b>V.13</b> | <b>11.734.293</b> | <b>10.911.760</b> |
| 1.           | Tiền gửi của các TCTD khác                                            |             | 3.870.200         | 4.600.000         |
| 2.           | Vay các TCTD khác                                                     |             | 7.864.093         | 6.311.760         |
| <b>III.</b>  | <b>Tiền gửi của khách hàng</b>                                        | <b>V.14</b> | <b>10.210.723</b> | <b>3.001.537</b>  |
| <b>IV.</b>   | <b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b> |             | <b>164.717</b>    | <b>-</b>          |
| <b>V.</b>    | <b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>          | <b>V.15</b> | <b>8.587.674</b>  | <b>8.016.400</b>  |
| <b>VI.</b>   | <b>Phát hành giấy tờ có giá</b>                                       | <b>V.16</b> | <b>18.556.000</b> | <b>17.421.000</b> |
| <b>VII.</b>  | <b>Các khoản nợ khác</b>                                              |             | <b>1.337.966</b>  | <b>1.414.216</b>  |
| 1.           | Các khoản lãi, phí phải trả                                           | V.17        | 1.036.166         | 1.210.461         |
| 2.           | Các khoản phải trả và công nợ khác                                    | V.18        | 301.800           | 203.755           |
|              | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                                               |             | <b>50.591.373</b> | <b>40.764.913</b> |
| <b>VIII.</b> | <b>Vốn và các quỹ</b>                                                 | <b>V.20</b> | <b>9.007.188</b>  | <b>8.456.218</b>  |
| 1.           | Vốn của Tổ chức tín dụng                                              |             | 7.958.548         | 7.395.373         |
|              | Vốn điều lệ                                                           |             | 7.605.658         | 7.042.483         |
|              | Vốn đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định                             |             | 2.328             | 2.328             |
|              | Thặng dư vốn cổ phần                                                  |             | 350.562           | 350.562           |
| 2.           | Quỹ của TCTD                                                          |             | 480.140           | 430.883           |
| 3.           | Lợi nhuận chưa phân phối                                              |             | 568.500           | 629.962           |
|              | <b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                            |             | <b>9.007.188</b>  | <b>8.456.218</b>  |
|              | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             |             | <b>59.598.561</b> | <b>49.221.131</b> |

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

## Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu VND

| STT | Chỉ tiêu                                  | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|-----|-------------------------------------------|----------------|----------------|
| 1.  | Cam kết giao dịch hối đoái                | 21.125.874     | -              |
|     | Cam kết mua ngoại tệ                      | 662.017        | -              |
|     | Cam kết bán ngoại tệ                      | 641.290        | -              |
|     | Cam kết giao dịch hoán đổi                | 19.822.567     | -              |
| 2.  | Bảo lãnh khác                             | 34.330         | 33.511         |
| 3.  | Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 288.070        | 252.117        |
| 4.  | Nợ khó đòi đã xử lý                       | 2.837.771      | 2.250.308      |
| 5.  | Tài sản và chứng từ khác                  | 4.058.200      | 6.037.660      |

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Trang

Kế toán trưởng



Tống Nhật Linh

Tổng Giám đốc



Mai Danh Hiền



**CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

| CHỈ TIÊU |                                                                                       | Thuyết minh | Năm 2024         | Năm 2023         |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|------------------|
| 1        | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự                                           | VI.1        | 4.276.780        | 3.993.619        |
| 2        | Chi phí lãi và các chi phí tương tự                                                   | VI.2        | (2.832.445)      | (3.284.594)      |
| I        | <b>Thu nhập lãi thuần</b>                                                             |             | <b>1.444.335</b> | <b>709.025</b>   |
| 3        | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ                                                         |             | 74.791           | 53.319           |
| 4        | Chi phí hoạt động dịch vụ                                                             |             | (34.532)         | (50.096)         |
| II       | <b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>                                                 | VI.3        | <b>40.259</b>    | <b>3.223</b>     |
| III      | <b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>                                     | VI.4        | <b>(43.142)</b>  | <b>(86.500)</b>  |
| IV       | <b>Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>                               | VI.5        | <b>15.217</b>    | -                |
| V        | <b>Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>                                   | VI.6        | <b>(49.746)</b>  | <b>315.721</b>   |
| 5        | Thu nhập từ hoạt động khác                                                            |             | 80.311           | 50.424           |
| 6        | Chi phí hoạt động khác                                                                |             | (560)            | (465)            |
| VI       | <b>Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>                                               | VI.8        | <b>79.751</b>    | <b>49.959</b>    |
| VII      | <b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>                                               | VI.7        | <b>15.411</b>    | <b>102.255</b>   |
|          | <b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>                                                        |             | <b>1.502.085</b> | <b>1.093.683</b> |
| VIII     | <b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>                                                         | VI.9        | <b>(153.005)</b> | <b>(297.004)</b> |
| IX       | <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b> |             | <b>1.349.080</b> | <b>796.679</b>   |
| X        | <b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>                                               | VI.10       | <b>(645.306)</b> | <b>(387.372)</b> |
| XI       | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                                                      |             | <b>703.774</b>   | <b>409.307</b>   |
| 7        | Chi phí thuế TNDN hiện hành                                                           | V.19        | (142.952)        | (80.928)         |
| XII      | <b>Chi phí thuế TNDN</b>                                                              |             | <b>(142.952)</b> | <b>(80.928)</b>  |
| XIII     | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                                             |             | <b>560.822</b>   | <b>328.379</b>   |
| XIV      | <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                       |             | <b>704</b>       | <b>738</b>       |

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Trang

Tống Nhật Linh

Mai Danh Hiền

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 cửa Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

| STT                                            | CHỈ TIÊU                                                                                             | Năm 2024            | Năm 2023           |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |                                                                                                      |                     |                    |
| 01                                             | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được                                                | 4.534.953           | 3.265.191          |
| 02                                             | Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả                                                     | (3.006.740)         | (2.791.885)        |
| 03                                             | Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được                                                              | 42.828              | 19.483             |
| 04                                             | Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, chứng khoán)                 | (2.328)             | 277.255            |
| 05                                             | Thu nhập/(Lỗ) khác                                                                                   | 3.320               | 42.815             |
| 06                                             | Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro                                    | 76.341              | 7.144              |
| 07                                             | Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ                                             | (209.685)           | (241.750)          |
| 08                                             | Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm                                                                | (81.211)            | (79.585)           |
|                                                | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b> | <b>1.357.478</b>    | <b>498.668</b>     |
|                                                | <b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>                                                           | <b>(16.277.701)</b> | <b>(6.053.784)</b> |
| 09                                             | (Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán                                                     | (1.131.639)         | 396.953            |
| 10                                             | (Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác                           | 116.840             | (116.840)          |
| 11                                             | (Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng                                                            | (13.249.594)        | (9.200.840)        |
| 12                                             | Tăng/(Giảm) nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản                         | (609.584)           | (370.421)          |
| 13                                             | (Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động                                                               | (1.403.724)         | 3.237.364          |
|                                                | <b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>                                                           | <b>9.917.634</b>    | <b>2.332.651</b>   |
| 14                                             | Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng                                       | 822.533             | (4.151.129)        |
| 15                                             | Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)                                   | 7.209.186           | (1.134.795)        |
| 16                                             | Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính) | 1.135.000           | 7.167.000          |
| 17                                             | Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro                                | 571.274             | 595.067            |
| 18                                             | Tăng/ (Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác                          | 164.717             | (13.371)           |
| 19                                             | Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động                                                               | 21.521              | (40.162)           |
| 20                                             | Chi từ các quỹ của TCTD                                                                              | (6.597)             | (89.959)           |
|                                                | <b>I Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                               | <b>(5.002.589)</b>  | <b>(3.222.465)</b> |

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| STT                                                     | CHỈ TIÊU                                                                    | Năm 2024           | Năm 2023          |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>              |                                                                             |                    |                   |
| 01                                                      | Mua sắm tài sản cố định                                                     | (4.942)            | (9.855)           |
| 02                                                      | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ                                       | 90                 | -                 |
| 03                                                      | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                | (1.207.454)        | (858.971)         |
| 04                                                      | Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác                                | 331.851            | 403.000           |
| 05                                                      | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn | 15.204             | 6.255             |
| <b>II Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>     |                                                                             | <b>(865.251)</b>   | <b>(459.571)</b>  |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>           |                                                                             |                    |                   |
| 01                                                      | Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu                      | -                  | 3.882.405         |
| 02                                                      | Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia                                   | (1.740)            | (2.302)           |
| <b>III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b> |                                                                             | <b>(1.740)</b>     | <b>3.880.103</b>  |
| <b>IV Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>               |                                                                             | <b>(5.869.580)</b> | <b>198.067</b>    |
| <b>V Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>               |                                                                             | <b>11.262.878</b>  | <b>11.064.811</b> |
| <b>VI Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</b>      |                                                                             | -                  | -                 |
| <b>VII Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>            |                                                                             | <b>5.393.298</b>   | <b>11.262.878</b> |

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trang



Tống Nhật Linh



Mai Danh Hiền

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 187/GP-NHNN ngày 07 tháng 07 năm 2008 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp, sửa đổi bổ sung mới nhất theo Quyết định số 122/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Huy động vốn dưới các hình thức nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;
- ▶ Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp và cho vay tiêu dùng; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác; và
- ▶ Các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng bao gồm mở và quản lý tài khoản tiền gửi, tiền vay cho khách hàng; góp vốn mua cổ phần; đại lý kinh doanh bảo hiểm; cung ứng dịch vụ tư vấn; cung ứng dịch vụ quản lý và bảo quản tài sản, mua bán trái phiếu Chính phủ; kinh doanh ngoại hối; mua bán nợ.

#### **Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7.605.658.020.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7.042.482.890.000 đồng).

#### **Mạng lưới hoạt động**

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 14, 15 và 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (01) Hội sở chính và hai (02) chi nhánh tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 289 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 314 người).

#### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **2. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Công ty là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến việc nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## III. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG

### 1. Tuyên bố về tuân thủ

Ban Điều hành Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng triệu đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu đồng") và được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng và các quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 về ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và các quy định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN; Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành tại Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung là các khoản mục không có số dư.

### 3. Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành Công ty phải thực hiện các ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các khoản nợ tiềm tàng. Các ước tính và giá định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến các thay đổi trong tương lai liên quan đến các số liệu dự phòng này.

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1. Áp dụng hướng dẫn mới

#### **Thông tư 31/2024/TT-NHNN**

Ngày 30 tháng 6 năm 2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành thông tư số 31/2024/TT-NHNN ("Thông tư 31") quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 11/2021/TT-NHNN do Ngân hàng nhà nước ban hành quy định về phân loại tài sản Có, mức trích, phương pháp lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài. Thông tư 31 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Công ty đã áp dụng Thông tư 31 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### **Nghị định 86/2024/NĐ-CP**

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ("Nghị định 86") quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024. Công ty đã áp dụng Nghị định 86 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 2. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Ngoại trừ các nội dung được nêu tại mục V.1 – Áp dụng hướng dẫn mới, các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các TCTD khác có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4. Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31") và Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"). Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội và trừ tiền gửi không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại *Thuyết minh số IV.6*.

Theo Thông tư 31, Công ty không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

### 5. Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới hoặc bằng một (01) năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên một (01) năm đến năm (05) năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên năm (05) năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 31 và được trình bày ở Thuyết minh số IV.6.

### 6. Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác và cho vay khách hàng

Công ty áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 31 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản có sau: các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm trái phiếu do các TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là "các khoản nợ").

Việc phân loại nợ đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và các khoản phải thu chịu rủi ro tín dụng khác (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, việc phân loại nợ sẽ được tham khảo đến một số yếu tố định tính (nếu có). Cụ thể, Công ty phân loại nợ vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau khi đã thực hiện các biện pháp thu hồi nợ từ khách hàng như gọi điện thoại, gửi tin nhắn bằng văn bản, gửi thư nhắc nhở và đến nơi cư trú của khách hàng:

- ▶ Khách hàng có khó khăn về tài chính như thất nghiệp hoặc các biến cố không mong muốn (tai nạn cá nhân hoặc bệnh tật,...) dẫn đến việc chậm thanh toán;
- ▶ Khách hàng không thể liên lạc được;
- ▶ Khách hàng đã bán nhà hoặc bỏ trốn sau khi giải ngân khoản vay;
- ▶ Khách hàng đã mất hoặc đang ngồi tù, người thân của khách hàng không trả nợ thay;
- ▶ Khả năng trả nợ của khách hàng liên tục suy giảm sau khi Công ty đánh giá lại.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn theo quy định tại Thông tư 31. Các khoản nợ được phân loại là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

| Nhóm nợ |                  | Phân loại nợ theo phương pháp định lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phân loại nợ theo phương pháp định tính                                             | Tỷ lệ dự phòng |
|---------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 1       | Nợ đủ tiêu chuẩn | (a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc<br>(b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; hoặc<br>(c) Nợ được phân loại vào nhóm 1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư 31. | Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn. | 0%             |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Nhóm nợ |                    | Phân loại nợ theo phương pháp định lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phân loại nợ theo phương pháp định tính                                                                                          | Tỷ lệ dự phòng |
|---------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 2       | Nợ cần chú ý       | (a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc<br>(b) Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;<br>(c) Nợ được phân loại vào nhóm 2 theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Thông tư 31.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ. | 5%             |
| 3       | Nợ dưới tiêu chuẩn | (a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc<br>(b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc<br>(c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc<br>(d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"><li>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li><li>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li><li>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng.</li></ul><br>(e) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra;<br>(f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;<br>(g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;<br>(h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31. | Các khoản nợ được đánh giá là không có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi khi đến hạn, có khả năng tổn thất.               | 20%            |
| 4       | Nợ nghi ngờ        | (a) Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;<br>(b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu, trừ khoản nợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;<br>(c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;<br>(d) Khoản nợ quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 10 Thông tư 31 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;<br>(e) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Các khoản nợ được đánh giá là có khả năng tổn thất cao.                                                                          | 50%            |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Nhóm nợ |                        | Phân loại nợ theo phương pháp định lượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phân loại nợ theo phương pháp định tính                            | Tỷ lệ dự phòng |
|---------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------|
|         |                        | (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;<br>(g) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;<br>(h) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                    |                |
| 5       | Nợ có khả năng mất vốn | (a) Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày;<br>(b) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;<br>(c) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai;<br>(d) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, trừ khoản nợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư 31;<br>(e) Khoản nợ quy định tại điểm c(iv) khoản 1 Điều 10 Thông tư 31 chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;<br>(f) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được;<br>(g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi;<br>(h) Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản;<br>(i) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 31;<br>(j) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư 31. | Các khoản nợ được đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn. | 100%           |

### Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Nghị định 86.

Ngoài ra, Công ty trích lập dự phòng cụ thể đối với Khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 (nếu có) như sau:

- Xác định số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31: (A)

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

► Xác định số tiền dự phòng cụ thể đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 31 và đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo Thông tư 31: (B)

► Dự phòng cụ thể trích bổ sung (C) bằng chênh lệch (A) – (B) được thực hiện trích bổ sung như sau:

- Đến thời điểm 31/12/2021: Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2022: Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2023: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

### Dự phòng chung

Theo Nghị định 86, Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ ngoại trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng; các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu; chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành trong nước; các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

### Xử lý rủi ro tín dụng

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Nghị định 86, Công ty thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

## 7. Hoạt động bán nợ

Theo Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ("Thông tư 18") ngày 26 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các khoản nợ đã bán được xử lý tài chính, hạch toán kế toán như sau:

a. Đối với khoản nợ có nợ gốc đang hạch toán nội bảng:

► Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau;

► Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch (nếu có) giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, Công ty ghi nhận vào thu nhập;

► Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được bán, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, Công ty sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp bị lỗ lãi về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu, Công ty thực hiện như sau:

• Đối với số nợ gốc không thu được: Công ty sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong năm. Sau khi hoàn thành việc xử lý tài chính nêu trên, Công ty thực hiện xuất toán đối với số nợ gốc không thu được;

• Đối với số nợ lãi không thu được: Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng đã hạch toán vào thu nhập, Công ty thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng, Công ty thực hiện xuất toán số nợ lãi của khoản nợ đã bán.

b. Đối với khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng:

Công ty thực hiện xuất toán khoản nợ đã bán khỏi ngoại bảng và ghi nhận số tiền bán nợ (theo giá bán nợ) vào thu nhập.

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

c. Đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng:

Số tiền bán nợ được ghi nhận vào thu nhập của Công ty.

## 8. Các khoản đầu tư

### 8.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Nghị định 86 như được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

### 8.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Công ty mua hần với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Công ty có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hần trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán nợ này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

thăng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của lãi khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Công ty theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Nghị định 86 như được trình bày tại *Thuyết minh số IV.6*.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

## 8.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Công ty có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này bị thua lỗ. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Công ty tại tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48").

## 9. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

## 10. Tài sản cố định

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## 11. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

|                               |             |
|-------------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc        | 25 năm      |
| Máy móc, thiết bị             | 03 - 08 năm |
| Phương tiện vận tải           | 06 - 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý     | 03 - 08 năm |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 03 - 25 năm |
| Phần mềm máy vi tính          | 03 - 08 năm |
| Tài sản cố định vô hình khác  | 02 - 20 năm |

## 12. Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời hạn thuê tài sản.

## 13. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với các khoản phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Theo đó, các tài sản có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được với các Tài sản có chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

| <i>Thời gian quá hạn</i>                   | <i>Mức trích dự phòng</i> |
|--------------------------------------------|---------------------------|
| Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30%                       |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm        | 50%                       |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm         | 70%                       |
| Từ ba (3) năm trở lên                      | 100%                      |

## 14. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước đang được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

## 15. Tiền gửi và đi vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi và đi vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

## 16. Các công cụ tài chính phái sinh

*Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ*

Đối với các hợp đồng hoán đổi, chênh lệch giữa giá trị theo đồng Việt Nam của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản “Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ “Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của hợp đồng.

### *Các hợp đồng hoán đổi lãi suất*

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

## 17. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 18. Vốn và các quỹ dự trữ

Vốn điều lệ của Công ty được ghi nhận khi các quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và Công ty liên quan tới vốn điều lệ được xác lập. Vốn điều lệ được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dự trữ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 7 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

| <i>Loại quỹ</i>                | <i>Trích lập hàng năm</i> | <i>Số dư tối đa</i> | <i>Mục đích sử dụng</i>                                                                                                                          |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế     | 100% vốn điều lệ    | Bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp                                                                                                                |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 10% lợi nhuận sau thuế    | Không quy định      | Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi xử lý bằng dự phòng đã trích lập trước đó |

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

## 19. Ghi nhận thu nhập và chi phí

### *Thu nhập lãi và chi phí lãi*

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 31 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực nhận.

### *Phí dịch vụ và hoa hồng*

Chi phí hoa hồng môi giới bao gồm chi phí cho đại lý, các bên thứ ba và môi giới cho vay được hạch toán phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 9 đến 22 tháng theo thời hạn trung bình mà khoản vay tồn tại trên nội bảng tính theo các nhóm sản phẩm. Các khoản phí dịch vụ được hạch toán trên cơ sở dự chi.

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## *Cổ tức*

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

## *Doanh thu và chi phí khác*

Đối với các khoản doanh thu khác, khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Công ty hạch toán giảm doanh thu nếu cùng năm tài chính hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác năm tài chính và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Công ty sẽ hạch toán vào "*Thu nhập từ hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

## **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 21. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Công ty, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính (xem *Thuyết minh số VII.9.3*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Công ty được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động tại thời điểm cuối năm tài chính.

### 22. Lợi ích của nhân viên

#### 21.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho mỗi nhân viên lần lượt bằng 17% và 0,5% lương cơ bản hàng tháng của họ trong thời gian làm việc. Ngoài ra, công ty không có một nghĩa vụ nào khác.

#### 21.2. Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

#### 21.3. Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

### 23. Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Công ty dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị : Triệu VND

#### 1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

|                        | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|------------------------|----------------|----------------|
| Tiền mặt bằng VND      | 4.112          | 1.299          |
| Tiền mặt bằng ngoại tệ | 248            | 247            |
| <b>Cộng</b>            | <b>4.360</b>   | <b>1.546</b>   |

#### 2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

|                                   | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023   |
|-----------------------------------|----------------|------------------|
| Tiền gửi thanh toán bằng VND      | 497.188        | 1.304.900        |
| Tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ | 25             | 24               |
| <b>Cộng</b>                       | <b>497.213</b> | <b>1.304.924</b> |

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, Công ty phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% gửi của khách hàng bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và 1,00% tiền gửi của khách hàng bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND được hưởng lãi suất tương ứng là 0,50%/năm đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và 0,00%/năm đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

#### 3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

|                                        | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023   |
|----------------------------------------|------------------|------------------|
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | 4.891.725        | 9.035.288        |
| Cho vay các tổ chức tín dụng khác      | -                | 921.120          |
| <b>Cộng</b>                            | <b>4.891.725</b> | <b>9.956.408</b> |

##### 3.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

|                       | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023   |
|-----------------------|------------------|------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn | 1.199.962        | 3.840.788        |
| - Bằng VND            | 1.037.115        | 3.577.337        |
| - Bằng ngoại tệ       | 162.847          | 263.451          |
| Tiền gửi có kỳ hạn    | 3.691.763        | 5.194.500        |
| - Bằng VND            | 1.903.550        | 4.903.620        |
| - Bằng ngoại tệ       | 1.788.213        | 290.880          |
| <b>Cộng</b>           | <b>4.891.725</b> | <b>9.035.288</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 3.2 Cho vay các TCTD khác

|               | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|---------------|----------------|----------------|
| Bảng ngoại tệ | -              | 921.120        |
| <b>Cộng</b>   | <b>-</b>       | <b>921.120</b> |

### 3.3 Chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn) và cho vay các TCTD khác như sau

| Nhóm nợ                      | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|------------------------------|----------------|----------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn             | 3.691.763      | 6.115.620      |
| - Tiền gửi tại các TCTD khác | 3.691.763      | 5.194.500      |
| - Cho vay các TCTD khác      | -              | 921.120        |

## 4 Chứng khoán kinh doanh

|                                                                                      | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Chứng khoán nợ</b>                                                                | <b>408.523</b> | <b>-</b>       |
| Trái phiếu do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – đã niêm yết           | 408.523        | -              |
| <b>Chứng khoán kinh doanh khác</b>                                                   | <b>305.682</b> | <b>-</b>       |
| Chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành – chưa niêm yết | 305.682        | -              |
| <b>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</b>                                      | <b>-</b>       | <b>-</b>       |
| <b>Cộng</b>                                                                          | <b>714.205</b> | <b>-</b>       |

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

|                  | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|------------------|----------------|----------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 714.205        | -              |

## 5 Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(khoản nợ) tài chính khác

|                                            | Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá trên hợp đồng) triệu đồng | Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày báo cáo) triệu đồng | Nợ phải trả triệu đồng | Giá trị thuần triệu đồng |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>       |                                                                  |                                                                       |                        |                          |
| <b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</b> |                                                                  |                                                                       |                        |                          |
| Giao dịch hoán đổi tiền tệ                 | 18.377.061                                                       | 42.631                                                                | (207.348)              | (164.717)                |
|                                            | <b>18.377.061</b>                                                | <b>42.631</b>                                                         | <b>(207.348)</b>       | <b>(164.717)</b>         |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>       |                                                                  |                                                                       |                        |                          |
| <b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</b> |                                                                  |                                                                       |                        |                          |
| Giao dịch hoán đổi tiền tệ                 | 39.766.997                                                       | 145.242                                                               | (28.402)               | 116.840                  |
|                                            | <b>39.766.997</b>                                                | <b>145.242</b>                                                        | <b>(28.402)</b>        | <b>116.840</b>           |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 6 Cho vay khách hàng

|                                                 | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|-------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước | 43.541.425        | 30.181.826        |
| Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư        | 3.261.557         | 3.371.562         |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>46.802.982</b> | <b>33.553.388</b> |

**Số dư cho vay khách hàng theo loại tiền tệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 như sau:**

|                       | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Cho vay bằng VND      | 43.586.167        | 30.241.976        |
| Cho vay bằng ngoại tệ | 3.216.815         | 3.311.413         |
| <b>Cộng</b>           | <b>46.802.982</b> | <b>33.553.388</b> |

Tại thời điểm 31/12/2024, danh mục cho vay các khách hàng của Công ty có sự tăng trưởng mạnh theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa loại hình, trong đó một số khoản cho vay khách hàng có các đặc điểm sau:

- Các khoản cho vay ngắn hạn có mục đích sử dụng vốn đa dạng như phục vụ nhu cầu đời sống, dự án đầu tư, kinh doanh thương mại, dịch vụ...trong đó một số khoản cho vay ngắn hạn để thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm 15,7% trên tổng dư nợ cho vay;
- Tỷ lệ cho vay đối với tổng các nhóm khách hàng và người có liên quan là 21,2% trên tổng dư nợ cho vay, trong đó tỷ lệ cho vay đối với mỗi một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan tuân thủ theo Luật các tổ chức tín dụng hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Cho vay các khách hàng liên quan đến các dự án bất động sản đang triển khai các thủ tục triển khai thực hiện chiếm 20,8% tổng dư nợ cho vay.

#### 6.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

|                        | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn       | 45.616.957        | 32.846.299        |
| Nợ cần chú ý           | 818.091           | 271.910           |
| Nợ dưới tiêu chuẩn     | 82.278            | 73.027            |
| Nợ nghi ngờ            | 223.381           | 167.444           |
| Nợ có khả năng mất vốn | 62.275            | 194.708           |
| <b>Cộng</b>            | <b>46.802.982</b> | <b>33.553.388</b> |

#### 6.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

|              | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|--------------|-------------------|-------------------|
| Nợ ngắn hạn  | 21.017.008        | 13.213.458        |
| Nợ trung hạn | 18.708.460        | 13.943.622        |
| Nợ dài hạn   | 7.077.514         | 6.396.308         |
| <b>Cộng</b>  | <b>46.802.982</b> | <b>33.553.388</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 6.3 Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

|                                                                                                                                                                                             | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ                                                                                                                                        | 3.174.027         | 3.177.190         |
| Công ty TNHH khác                                                                                                                                                                           | 24.690.721        | 19.123.841        |
| Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty | 158.985           | 192.941           |
| Công ty cổ phần khác                                                                                                                                                                        | 16.187.103        | 9.187.158         |
| Hộ kinh doanh, cá nhân                                                                                                                                                                      | 2.592.146         | 1.872.258         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                                 | <b>46.802.982</b> | <b>33.553.388</b> |

### 6.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành kinh tế

|                                                                                                                            | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản                                                                                        | 9.795             | 13.545            |
| Khai khoáng                                                                                                                | 316.206           | 235.438           |
| Công nghiệp chế biến, chế tạo                                                                                              | 603.086           | 429.752           |
| Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí                                             | 7.288.809         | 6.293.177         |
| Xây dựng                                                                                                                   | 5.726.800         | 5.527.488         |
| Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác                                                     | 12.083.275        | 6.806.984         |
| Dịch vụ lưu trú và ăn uống                                                                                                 | 2.103.961         | 1.994.630         |
| Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm                                                                                 | 4.832.418         | 2.908.269         |
| Hoạt động kinh doanh bất động sản                                                                                          | 3.512.607         | 2.610.245         |
| Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ                                                                                | 3.555.873         | 2.511.475         |
| Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ                                                                                     | 139.150           | 139.150           |
| Hoạt động dịch vụ khác                                                                                                     | 2.115.237         | 1.990.381         |
| Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình | 2.591.584         | 1.868.127         |
| Ngành khác                                                                                                                 | 1.924.181         | 224.727           |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                | <b>46.802.982</b> | <b>33.553.388</b> |

## 7 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Công ty thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được sử dụng cho việc phân loại nợ và trích lập dự phòng này. Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

|                              | Dự phòng cụ thể | Dự phòng chung | Tổng cộng      |
|------------------------------|-----------------|----------------|----------------|
| Số dư tại 01/01/2024         | 250.190         | 210.421        | 460.611        |
| Trích lập dự phòng trong năm | 100.366         | 544.940        | 645.306        |
| Sử dụng dự phòng trong năm   | -               | (609.584)      | (609.584)      |
| <b>Số dư tại 31/12/2024</b>  | <b>350.556</b>  | <b>145.777</b> | <b>496.333</b> |
| Số dư tại 01/01/2023         | 181.886         | 214.110        | 395.996        |
| Trích lập dự phòng trong năm | 68.304          | 319.068        | 387.372        |
| Sử dụng dự phòng trong năm   | -               | (322.757)      | (322.757)      |
| <b>Số dư tại 31/12/2023</b>  | <b>250.190</b>  | <b>210.421</b> | <b>460.611</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 8 Chứng khoán đầu tư

#### 8.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

|                                                                    | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023   |
|--------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| <b>Chứng khoán nợ</b>                                              | <b>419.801</b>   | <b>878.490</b>   |
| Trái phiếu Chính phủ                                               | 105.875          | 202.176          |
| Chứng khoán Nợ của các TCTD khác trong nước                        | 313.926          | 460.314          |
| Chứng khoán Nợ của các TCKT trong nước                             | -                | 16.000           |
| Chứng chỉ tiền gửi                                                 | -                | 200.000          |
| <b>Chứng khoán vốn</b>                                             | <b>1.662.374</b> | <b>786.251</b>   |
| Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành                   | 1.662.374        | 786.251          |
| <b>Cộng</b>                                                        | <b>2.082.175</b> | <b>1.664.741</b> |
| <b>Dự phòng rủi ro giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b> | <b>(179.987)</b> | <b>(104.644)</b> |
| Dự phòng cụ thể                                                    | -                | -                |
| Dự phòng chung                                                     | -                | (120)            |
| Dự phòng rủi ro giảm giá                                           | (179.987)        | (104.524)        |
|                                                                    | <b>1.902.188</b> | <b>1.560.097</b> |

#### 8.2 Tình hình biến động dự phòng các khoản chứng khoán đầu tư

|                                 | Dự phòng giảm giá | Dự phòng chung | Dự phòng cụ thể | Cộng           |
|---------------------------------|-------------------|----------------|-----------------|----------------|
| Số dư tại 01/01/2024            | 104.524           | 120            | -               | 104.644        |
| Trích lập/(hoàn nhập) trong năm | 75.463            | (120)          | -               | 75.343         |
| <b>Số dư tại 31/12/2024</b>     | <b>179.987</b>    | <b>-</b>       | <b>-</b>        | <b>179.987</b> |
| Số dư tại 01/01/2023            | 52.351            | 2.033          | 2.226           | 56.610         |
| Trích lập/(hoàn nhập) trong năm | 52.173            | (1.913)        | (2.226)         | 48.034         |
| <b>Số dư tại 31/12/2023</b>     | <b>104.524</b>    | <b>120</b>     | <b>-</b>        | <b>104.644</b> |

#### 8.3 Phân loại chất lượng chứng khoán nợ của TCTD và TCKT được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng theo Thông tư 31

|                  | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|------------------|----------------|----------------|
| Nợ đủ tiêu chuẩn | 249.424        | 609.771        |
| <b>Cộng</b>      | <b>249.424</b> | <b>609.771</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 9 Đầu tư dài hạn khác

|                                  | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023 |
|----------------------------------|------------------|----------------|
| Các khoản đầu tư dài hạn khác    | 1.881.987        | 1.006.177      |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | (55.510)         | (8.586)        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>1.826.477</b> | <b>997.591</b> |

Tại thời điểm 31/12/2024, các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm một số khoản đầu tư có các đặc điểm sau:

- (i) Đầu tư góp vốn vào các công ty đang trong quá trình đầu tư, thực hiện triển khai dự án là 854.446 triệu đồng, theo đó tỷ lệ đầu tư góp vốn vào các công ty đang trong quá trình đầu tư, thực hiện triển khai dự án trên tổng giá trị các khoản góp vốn tại 31/12/2024 giảm 36,9% so với 31/12/2023;
- (ii) Đầu tư góp vốn vào các công ty là các khách hàng vay của Công ty số tiền: 410.463 triệu đồng .

Biến động số dư dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

|                                 | Năm 2024      | Năm 2023     |
|---------------------------------|---------------|--------------|
| Số dư đầu năm                   | 8.586         | 3.774        |
| Số dự phòng trích lập trong năm | 46.924        | 4.812        |
| <b>Số dư cuối năm</b>           | <b>55.510</b> | <b>8.586</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 10 Tài sản cố định hữu hình

|                                          | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>và thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Tài sản cố định<br>hữu hình khác | Cộng            |
|------------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                           |                        |                                       |                              |                                  |                 |
| Số tại 01/01/2024                        | 8.280                     | 50.823                 | 23.103                                | 24.326                       | 1.850                            | 108.382         |
| Mua trong năm                            | -                         | 71                     | 2.974                                 | -                            | -                                | 3.045           |
| Thanh lý nhượng bán                      | -                         | (207)                  | (2.328)                               | (1.358)                      | -                                | (3.893)         |
| <b>Số tại 31/12/2024</b>                 | <b>8.280</b>              | <b>50.687</b>          | <b>23.749</b>                         | <b>22.968</b>                | <b>1.850</b>                     | <b>107.534</b>  |
| <b>Trong đó:</b>                         |                           |                        |                                       |                              |                                  |                 |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn<br>sử dụng |                           |                        |                                       |                              |                                  | 45.737          |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                           |                        |                                       |                              |                                  |                 |
| Số tại 01/01/2024                        | (2.455)                   | (36.749)               | (17.852)                              | (21.492)                     | (1.366)                          | (79.914)        |
| Tăng do trích khấu hao trong năm         | (331)                     | (4.939)                | (834)                                 | (1.399)                      | (58)                             | (7.561)         |
| Giảm do thanh lý nhượng bán              | -                         | 207                    | 2.328                                 | 1.048                        | -                                | 3.583           |
| <b>Số tại 31/12/2024</b>                 | <b>(2.786)</b>            | <b>(41.481)</b>        | <b>(16.358)</b>                       | <b>(21.843)</b>              | <b>(1.424)</b>                   | <b>(83.892)</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                           |                        |                                       |                              |                                  |                 |
| Số tại 01/01/2024                        | 5.825                     | 14.074                 | 5.251                                 | 2.834                        | 484                              | 28.468          |
| <b>Số tại 31/12/2024</b>                 | <b>5.494</b>              | <b>9.206</b>           | <b>7.391</b>                          | <b>1.125</b>                 | <b>426</b>                       | <b>23.642</b>   |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 11 Tài sản cố định vô hình

|                                       | Quyền sử dụng đất vô thời hạn | Phần mềm máy tính | TSCĐ vô hình khác | Cộng            |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                               |                   |                   |                 |
| Số tại 01/01/2024                     | 18.244                        | 71.705            | 6.428             | 96.377          |
| Mua sắm trong năm                     | -                             | 313               | 2.384             | 2.697           |
| <b>Số tại 31/12/2024</b>              | <b>18.244</b>                 | <b>72.018</b>     | <b>8.812</b>      | <b>99.074</b>   |
| <i>Trong đó:</i>                      |                               |                   |                   |                 |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng |                               |                   |                   | 21.218          |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                               |                   |                   |                 |
| Số tại 01/01/2024                     | -                             | (47.375)          | (1.608)           | (48.983)        |
| Tăng do trích khấu hao trong kỳ       | -                             | (6.875)           | (1.549)           | (8.424)         |
| <b>Số tại 31/12/2024</b>              | <b>-</b>                      | <b>(54.250)</b>   | <b>(3.157)</b>    | <b>(57.407)</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                               |                   |                   |                 |
| Số tại 01/01/2024                     | 18.244                        | 24.330            | 4.820             | 47.394          |
| <b>Số tại 31/12/2024</b>              | <b>18.244</b>                 | <b>17.768</b>     | <b>5.655</b>      | <b>41.667</b>   |

### 12 Tài sản có khác

#### 12.1 Các khoản phải thu

|                                                                          | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023 |
|--------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|
| <b>Các khoản phải thu nội bộ</b>                                         | <b>3.235</b>     | <b>245</b>     |
| <b>Các khoản phải thu bên ngoài</b>                                      | <b>1.955.478</b> | <b>545.326</b> |
| Mua sắm tài sản cố định                                                  | 1                | 801            |
| Các khoản ký quỹ, thế chấp, cầm cố:                                      | 1.682.678        | 202.428        |
| - Đặt cọc mua Trái phiếu Chính phủ (*)                                   | 800.000          | 200.000        |
| - Đặt cọc đầu tư, mua trụ sở văn phòng tại Hà Nội và Hồ Chí Minh(**)     | 880.000          | -              |
| - Ký cược, ký quỹ khác                                                   | 2.678            | 2.428          |
| Các khoản chờ Ngân sách Nhà nước thanh toán                              | 560              | 560            |
| Các khoản phải thu khác:                                                 | 272.239          | 341.537        |
| - Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán                              | 11.969           | 265.969        |
| - Phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại                                | 15.947           | 15.947         |
| - Phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư                                | 17.824           | 20.324         |
| - Phải thu đối tác trả chậm ủy thác đầu tư                               | 1.406            | 1.406          |
| - Phải thu các khoản thu hộ, chi hộ                                      | 51.438           | 20.264         |
| - Phải thu tiền trả lãi đối tác nước ngoài chưa đến hạn thanh toán (***) | 144.398          | -              |
| - Phải thu khác                                                          | 29.257           | 17.627         |
| <b>Cộng</b>                                                              | <b>1.958.713</b> | <b>545.571</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(\*) Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, 100% hợp đồng đã được thực hiện và thanh lý.

(\*\*) Khoản đặt cọc mua trụ sở văn phòng theo Thỏa thuận hợp tác giữa Công ty và đối tác nhằm thực hiện chủ trương đầu tư, mua trụ sở tòa nhà Văn phòng EVNFinance tại Thành Phố Hà Nội và Hồ Chí Minh theo Nghị quyết Hội đồng quản trị đã ban hành năm 2024.

(\*\*\*) Khoản Công ty thanh toán trước kỳ nghỉ lễ cho đối tác nước ngoài nhằm đảm bảo thanh toán kịp thời khoản vay đến hạn ngày 02/01/2025. Sau ngày 2/1/2025 khoản phải thu đã hết số dư do được bù trừ với khoản phải trả đối tác nước ngoài.

### 12.2 Các khoản phải lãi, phí phải thu

|                                             | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023   |
|---------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lãi tiền gửi chưa thu được                  | 11.446           | 23.049           |
| Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán          | 7.505            | 21.649           |
| Lãi cho vay chưa thu được                   | 1.386.093        | 1.581.219        |
| Lãi phải thu từ công cụ tài chính phái sinh | 3.375            | 40.675           |
| Phí phải thu khác                           | 14.189           | 16.758           |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>1.422.608</b> | <b>1.683.350</b> |

### 12.3 Tài sản có khác

|                     | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|---------------------|----------------|----------------|
| Chi phí chờ phân bổ | 70.513         | 76.838         |
| Công cụ, dụng cụ    | 25             | 25             |
| <b>Cộng</b>         | <b>70.538</b>  | <b>76.863</b>  |

### 12.4 Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác

Chi tiết dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác như sau:

|                                                    | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|----------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Dự phòng phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại   | 15.947         | 15.947         |
| Dự phòng các khoản hợp tác đầu tư                  | 17.824         | 20.324         |
| Dự phòng khoản trả chậm ủy thác đầu tư             | 1.406          | 1.406          |
| Dự phòng Phải thu từ các khoản mua bán chứng khoán | 11.969         | 138.969        |
| Dự phòng khác                                      | 14.278         | 14.052         |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>61.424</b>  | <b>190.698</b> |

Tình hình biến động dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác trong kỳ như sau:

|                                             | Năm 2024      | Năm 2023       |
|---------------------------------------------|---------------|----------------|
| Số dư đầu năm                               | 190.698       | 187.926        |
| Số dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm | (129.274)     | 50.436         |
| Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm  | -             | (47.664)       |
| <b>Số dư cuối năm</b>                       | <b>61.424</b> | <b>190.698</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 13 Tiền gửi và vay các TCTD khác

|                                                                                                     | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác</b>                                                       | <b>3.870.200</b>  | <b>4.600.000</b>  |
| Tiền gửi có kỳ hạn                                                                                  | 3.870.200         | 4.600.000         |
| - Bằng VND                                                                                          | 3.623.550         | 4.600.000         |
| - Bằng ngoại tệ                                                                                     | 246.650           | -                 |
| <b>Vay các TCTD khác</b>                                                                            | <b>7.864.093</b>  | <b>6.311.760</b>  |
| Vay các TCTD trong nước, các ngân hàng nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam | 6.828.163         | 6.311.760         |
| - Bằng VND                                                                                          | 4.300.000         | 2.700.000         |
| - Bằng ngoại tệ                                                                                     | 2.528.163         | 3.611.760         |
| Vay các TCTD nước ngoài                                                                             | 1.035.930         | -                 |
| - Bằng ngoại tệ                                                                                     | 1.035.930         | -                 |
| <b>Cộng</b>                                                                                         | <b>11.734.293</b> | <b>10.911.760</b> |

### 14 Tiền gửi của khách hàng

#### 14.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

|                                  | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023   |
|----------------------------------|-------------------|------------------|
| <b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>     | <b>2.023</b>      | <b>2.172</b>     |
| - Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND | 2.023             | 2.172            |
| <b>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</b>  | <b>10.208.593</b> | <b>2.998.409</b> |
| - Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND    | 10.208.593        | 2.998.409        |
| <b>Tiền gửi ký quỹ</b>           | <b>107</b>        | <b>956</b>       |
| - Tiền ký quỹ bằng VND           | 107               | 956              |
| <b>Cộng</b>                      | <b>10.210.723</b> | <b>3.001.537</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 14.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

|                                                                                                                                                                                             | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ                                                                                                                                        | 220.000           | 510.000          |
| Công ty TNHH khác                                                                                                                                                                           | 15.960            | 93.593           |
| Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty | -                 | 500.000          |
| Công ty cổ phần khác                                                                                                                                                                        | 9.464.703         | 1.880.988        |
| Tiền gửi của các đối tượng khác                                                                                                                                                             | 510.054           | 16.956           |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                                 | <b>10.210.723</b> | <b>3.001.537</b> |

### 15 Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

|                                                         | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023   |
|---------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND      | 431.377          | 507.577          |
| Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ | 8.156.297        | 7.508.823        |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>8.587.674</b> | <b>8.016.400</b> |

### 16 Phát hành giấy tờ có giá

|                                    | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Chứng chỉ tiền gửi bằng VND</b> |                   |                   |
| Mệnh giá                           | 16.831.000        | 15.696.000        |
| <b>Trái phiếu</b>                  |                   |                   |
| Mệnh giá                           | 1.725.000         | 1.725.000         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>18.556.000</b> | <b>17.421.000</b> |

Chi tiết kỳ hạn của chứng chỉ tiền gửi phát hành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

|                                    | Tại 31/12/2024    | Tại 31/12/2023    |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Chứng chỉ tiền gửi bằng VND</b> |                   |                   |
| Dưới 12 tháng                      | 5.861.000         | 3.449.000         |
| Bằng VND                           | 5.861.000         | 3.449.000         |
| Từ 12 tháng đến 5 năm              | 10.970.000        | 12.247.000        |
| Bằng VND                           | 10.970.000        | 12.247.000        |
| <b>Trái phiếu</b>                  |                   |                   |
| Trên 5 năm                         | 1.725.000         | 1.725.000         |
| Bằng VND                           | 1.725.000         | 1.725.000         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>18.556.000</b> | <b>17.421.000</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 17 Các khoản lãi, phí phải trả

|                                                       | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023   |
|-------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Lãi phải trả cho tiền gửi                             | 137.095          | 104.537          |
| Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá          | 569.855          | 761.775          |
| Lãi phải trả cho tiền vay                             | 189.455          | 172.123          |
| Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay | 137.017          | 143.896          |
| Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh      | 2.690            | 28.130           |
| Phí phải trả khác                                     | 54               | -                |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>1.036.166</b> | <b>1.210.461</b> |

### 18 Các khoản phải trả và công nợ khác

|                                                          | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|----------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Các khoản phải trả nội bộ</b>                         | <b>49.757</b>  | <b>33.234</b>  |
| Phải trả cho nhân viên                                   | 22.335         | 9.067          |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                | 27.422         | 24.167         |
| <b>Các khoản phải trả bên ngoài</b>                      | <b>252.043</b> | <b>170.521</b> |
| Các khoản phải trả, phải nộp NSNN (Xem thuyết minh V.19) | 139.193        | 72.214         |
| Cổ tức phải trả                                          | 21.033         | 22.773         |
| Các khoản chờ thanh toán – nghiệp vụ tín dụng            | 75.603         | 63.209         |
| Các khoản chờ thanh toán – nghiệp vụ đầu tư              | 3.060          | 2.903          |
| Chi phí trích trước                                      | 267            | 2.956          |
| Phải trả Nhà cung cấp                                    | 10.252         | 5.152          |
| Phải trả cho các đối tác thu hộ, chi hộ                  | 430            | 172            |
| Các khoản phải trả khác                                  | 2.205          | 1.142          |
| <b>Cộng</b>                                              | <b>301.800</b> | <b>203.755</b> |

### 19 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                                | Tại 31/12/2023 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Tại 31/12/2024 |
|--------------------------------|----------------|-----------------------|---------------------|----------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa     | 18             | 216                   | (128)               | 106            |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) | 70.902         | 142.952               | (81.211)            | 132.643        |
| Các loại thuế khác             | 1.294          | 37.959                | (32.809)            | 6.444          |
| <b>Cộng</b>                    | <b>72.214</b>  | <b>181.127</b>        | <b>(114.148)</b>    | <b>139.193</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                                                    | <u>Năm 2024</u> | <u>Năm 2023</u> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                                       | 703.774         | 409.307         |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:           | 24.641          | 1.457           |
| - Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cuối năm trước thực hiện trong năm nay                                 | 97              | (1.453)         |
| - (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm | 21.194          | (97)            |
| - Chi phí không được trừ                                                                                           | 3.350           | 3.007           |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                                 | 728.415         | 410.764         |
| Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)                                                              | (15.204)        | (6.255)         |
| Thu nhập tính thuế                                                                                                 | 713.211         | 404.509         |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                               | 20%             | 20%             |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông từ hoạt động kinh doanh</b>                        | <b>142.642</b>  | <b>80.902</b>   |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ trước</b>                                                     | <b>310</b>      | <b>26</b>       |
| <b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                                    | <b>142.952</b>  | <b>80.928</b>   |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 20 Vốn và các quỹ của Ngân hàng

#### 20.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023                                          | Vốn điều lệ      | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Vốn đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ | Tổng cộng        |
|------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|------------------|
| Tăng vốn từ phát hành quyền mua cổ phiếu cho nhà đầu tư                      | 3.510.640        | -                    | 30.770                | 282.709                | 141.355                        | 367.278                           | 2.328                         | 4.335.080        |
| Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động | 3.510.640        | 350.712              | -                     | -                      | -                              | -                                 | -                             | 3.861.352        |
| Lợi nhuận tăng trong năm                                                     | 21.203           | (150)                | -                     | -                      | -                              | -                                 | -                             | 21.053           |
| Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước                                 | -                | -                    | -                     | -                      | -                              | 328.379                           | -                             | 328.379          |
| Sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển                                                | -                | -                    | -                     | 36.579                 | 18.289                         | (65.695)                          | -                             | (10.827)         |
| Sử dụng Quỹ Dự phòng tài chính                                               | -                | -                    | (779)                 | -                      | -                              | -                                 | -                             | (779)            |
|                                                                              | -                | -                    | -                     | (78.040)               | -                              | -                                 | -                             | (78.040)         |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>                                   | <b>7.042.483</b> | <b>350.562</b>       | <b>29.991</b>         | <b>241.248</b>         | <b>159.644</b>                 | <b>629.962</b>                    | <b>2.328</b>                  | <b>8.456.218</b> |
| Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm                       | 563.175          | -                    | -                     | -                      | -                              | (563.175)                         | -                             | -                |
| Lợi nhuận trong năm                                                          | -                | -                    | -                     | -                      | -                              | 560.822                           | -                             | 560.822          |
| Trích lập các quỹ trong năm từ lợi nhuận năm trước                           | -                | -                    | -                     | 32.838                 | 16.419                         | (59.109)                          | -                             | (9.852)          |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>                                   | <b>7.605.658</b> | <b>350.562</b>       | <b>29.991</b>         | <b>274.086</b>         | <b>176.063</b>                 | <b>568.500</b>                    | <b>2.328</b>                  | <b>9.007.188</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 20.2 Cổ phiếu

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

|                                        | 31/12/2024<br>cổ phiếu | 31/12/2023<br>cổ phiếu |
|----------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 760.565.802            | 704.248.289            |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 760.565.802            | 704.248.289            |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 760.565.802            | 704.248.289            |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 760.565.802            | 704.248.289            |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 760.565.802            | 704.248.289            |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -                      | -                      |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành        | 10.000                 | 10.000                 |

### 20.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty như sau:

|                                                                             | 2024           | 2023<br>(trình bày lại) |
|-----------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------|
| <b>Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)</b>                                      | <b>560.822</b> | <b>328.379</b>          |
| Trích lập các Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)                                 | (25.237)       | (9.852)                 |
| <b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)</b> | <b>535.585</b> | <b>318.527</b>          |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sau ảnh hưởng (cổ phiếu) (**) | 760.565.802    | 431.549.011             |
| <b>Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng)</b>                                         |                |                         |
| <b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (***)</b>                                   | <b>704</b>     | <b>738</b>              |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (***)</b>                                     | <b>704</b>     | <b>738</b>              |

(\*) Tỷ lệ tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi được lấy tương đương theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 15 tháng 03 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Tỷ lệ tạm trích quỹ khen thưởng Ban điều hành được tạm tính bằng 1,5% lợi nhuận sau thuế, căn cứ theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT-TCĐL ngày 16/01/2025 của Hội đồng quản trị

(\*\*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sau ảnh hưởng của việc tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm được xác định như sau:

|                                                                         | Năm 2024           | Năm 2023           |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm                                      | 704.248.289        | 351.064.000        |
| Ảnh hưởng của số lượng cổ phiếu phát hành trong năm 2023                | -                  | 24.167.498         |
| Ảnh hưởng của số lượng cổ phiếu phát hành trong năm 2024 để chia cổ tức | 56.317.513         | 56.317.513         |
| <b>Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân</b>                             | <b>760.565.802</b> | <b>431.549.011</b> |

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## Trình bày lại

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 15 tháng 03 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Theo đó, số tiền trích vào Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, đồng thời Công ty cũng xác định lại bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sau ảnh hưởng của việc tăng vốn từ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong 2024 nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại như sau:

|                                                                             | <i>Trước điều chỉnh</i> | <i>Sau điều chỉnh</i> |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)</b>                                      | <b>328.379</b>          | <b>328.379</b>        |
| Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng)                        | (9.720)                 | (9.852)               |
| <b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)</b> | <b>318.659</b>          | <b>318.527</b>        |
| Số cổ phiếu bình quân để tính lãi (cổ phiếu)                                | 375.231.498             | 431.549.011           |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)</b>                                      | <b>849</b>              | <b>738</b>            |

(\*\*\*) Trong năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 15 tháng 03 năm 2024 về phương án tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động và đang chờ ngân hàng nhà nước phê duyệt. Do đó sự kiện này không ảnh hưởng đến việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

## 20.4 Chi tiết vốn đầu tư

|         | 31/12/2024                    |                                         |                    | 31/12/2023                    |                                         |                    |
|---------|-------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|
|         | <i>Tổng số<br/>triệu đồng</i> | <i>Vốn CP<br/>thường<br/>triệu đồng</i> | <i>Tỷ lệ<br/>%</i> | <i>Tổng số<br/>triệu đồng</i> | <i>Vốn CP<br/>thường<br/>triệu đồng</i> | <i>Tỷ lệ<br/>%</i> |
| Tổ chức | 606.939                       | 606.939                                 | 8%                 | 1.227.679                     | 1.227.679                               | 17%                |
| Cá nhân | 6.998.719                     | 6.998.719                               | 92%                | 5.814.804                     | 5.814.804                               | 83%                |
|         | <b>7.605.658</b>              | <b>7.605.658</b>                        | <b>100%</b>        | <b>7.042.483</b>              | <b>7.042.483</b>                        | <b>100%</b>        |

## 20.5 Cổ tức

Việc chia cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

## 20.6 Các quỹ

Theo Nghị định 93/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 7 tháng 8 năm 2017, các tổ chức tín dụng phải trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

|                                | <i>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</i> | <i>Mức tối đa</i>    |
|--------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế                         | 100% mức vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 10% lợi nhuận sau thuế                        | -                    |

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tín dụng tự quyết định.

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TCĐL ngày 15 tháng 03 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

|                                | <i>Tỷ lệ trích<br/>%</i> | <i>Số tiền<br/>triệu đồng</i> |
|--------------------------------|--------------------------|-------------------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5%                       | 16.419                        |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 10%                      | 32.838                        |
| Quỹ khen thưởng                | 1,5%                     | 4.926                         |
| Quỹ phúc lợi                   | 1,5%                     | 4.926                         |

# CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Cộng

59.109

## (vi) THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: Triệu VND

### 1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

|                                              | Năm 2024         | Năm 2023         |
|----------------------------------------------|------------------|------------------|
| Thu nhập lãi tiền gửi                        | 177.335          | 371.327          |
| Thu nhập từ lãi cho vay khách hàng           | 4.057.433        | 3.553.917        |
| Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ | 34.217           | 64.763           |
| Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh                    | 6.170            | 3.572            |
| Thu khác từ hoạt động tín dụng               | 1.625            | 40               |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>4.276.780</b> | <b>3.993.619</b> |

### 2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

|                                      | Năm 2024         | Năm 2023         |
|--------------------------------------|------------------|------------------|
| Chi phí lãi tiền gửi                 | 435.232          | 866.310          |
| Chi phí lãi tiền vay                 | 574.851          | 760.519          |
| Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá | 1.413.006        | 1.244.793        |
| Chi phí hoạt động tín dụng khác      | 409.356          | 412.972          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>2.832.445</b> | <b>3.284.594</b> |

### 3. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

|                                            | Năm 2024        | Năm 2023        |
|--------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| <b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>       | <b>74.791</b>   | <b>53.319</b>   |
| Thu từ nghiệp vụ ủy thác, đại lý           | 73              | 240             |
| Thu từ nghiệp vụ môi giới bảo hiểm         | 1.039           | 3.945           |
| Thu khác từ phí dịch vụ quản lý khoản vay  | 73.679          | 49.134          |
| <b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>           | <b>(34.532)</b> | <b>(50.096)</b> |
| Chi về dịch vụ thanh toán                  | (3.132)         | (2.667)         |
| Chi phí hoa hồng môi giới                  | (144)           | (18.018)        |
| Chi về dịch vụ khác                        | (31.256)        | (29.411)        |
| <b>Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ</b> | <b>40.259</b>   | <b>3.223</b>    |

### 4. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

|                                                | Năm 2024         | Năm 2023         |
|------------------------------------------------|------------------|------------------|
| <b>Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối</b>        | <b>123.633</b>   | <b>64.681</b>    |
| Thu về kinh doanh ngoại tệ giao ngay           | 44.617           | 41.831           |
| Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | 79.016           | 22.850           |
| <b>Chi phí từ kinh doanh ngoại hối</b>         | <b>(166.775)</b> | <b>(151.181)</b> |
| Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay           | (74.563)         | (40.311)         |
| Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ | (92.212)         | (110.870)        |
| <b>Lãi/(lỗ) thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>  | <b>(43.142)</b>  | <b>(86.500)</b>  |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 5. Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

|                                                         | Năm 2024      | Năm 2023 |
|---------------------------------------------------------|---------------|----------|
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh              | 18.225        | -        |
| Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh               | (3.008)       | -        |
| <b>Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b> | <b>15.217</b> | <b>-</b> |

### 6. Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

|                                                     | Năm 2024        | Năm 2023       |
|-----------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư              | 26.694          | 382.303        |
| Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư               | (1.097)         | (18.548)       |
| Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư      | (75.343)        | (48.034)       |
| <b>Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b> | <b>(49.746)</b> | <b>315.721</b> |

### 7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

|                                                            | Năm 2024      | Năm 2023       |
|------------------------------------------------------------|---------------|----------------|
| Cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần  | 15.204        | 6.255          |
| Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần | 207           | 96.000         |
| <b>Cộng</b>                                                | <b>15.411</b> | <b>102.255</b> |

### 8. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác

|                                         | Năm 2024      | Năm 2023      |
|-----------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>       | <b>80.311</b> | <b>50.424</b> |
| Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro          | 76.341        | 7.144         |
| Thu nhập từ nghiệp vụ mua bán nợ        | -             | 43.118        |
| Thu nhập khác                           | 3.970         | 162           |
| <b>Chi phí từ hoạt động khác</b>        | <b>(560)</b>  | <b>(465)</b>  |
| Chi phí khác                            | (560)         | (465)         |
| <b>Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác</b> | <b>79.751</b> | <b>49.959</b> |

### 9. Chi phí hoạt động

|                                                       | Năm 2024       | Năm 2023       |
|-------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí                 | 1.187          | 626            |
| Chi phí cho nhân viên                                 | 143.687        | 140.529        |
| - Chi lương và phụ cấp                                | 127.419        | 122.409        |
| - Các khoản chi đóng góp theo lương                   | 11.270         | 12.071         |
| - Các khoản chi khác                                  | 4.878          | 5.901          |
| - Các khoản chi trợ cấp                               | 120            | 148            |
| Chi về tài sản                                        | 39.528         | 46.849         |
| - Chi khấu hao tài sản cố định                        | 15.985         | 16.275         |
| - Chi khác về tài sản                                 | 23.543         | 30.574         |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ                     | 50.953         | 53.752         |
| - Công tác phí                                        | 5.238          | 4.525          |
| - Chi cho hoạt động đoàn thể của tổ chức tín dụng     | 772            | 1.134          |
| - Chi phí khác                                        | 44.943         | 48.093         |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro đầu tư dài hạn  | 46.924         | 4.812          |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro tài sản có khác | (129.274)      | 50.436         |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>153.005</b> | <b>297.004</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 10. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

|                                                             | Năm 2024       | Năm 2023       |
|-------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (xem thuyết minh số V.7) | 645.306        | 387.372        |
| <b>Cộng</b>                                                 | <b>645.306</b> | <b>387.372</b> |

### VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

• Đơn vị: Triệu VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                  | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023    |
|------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|
| Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ                   | 4.360            | 1.546             |
| Tiền gửi tại NHNN                                                | 497.213          | 1.304.924         |
| Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác                            | 1.199.962        | 3.840.788         |
| Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống | 3.691.763        | 6.115.620         |
| <b>Cộng</b>                                                      | <b>5.393.298</b> | <b>11.262.878</b> |

### IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị: Triệu VND

#### 1. Tình hình thu nhập của cán bộ, nhân viên

|                                                            | Năm 2024   | Năm 2023   |
|------------------------------------------------------------|------------|------------|
| <b>I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)</b> | <b>295</b> | <b>372</b> |
| <b>II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên</b>             |            |            |
| 1. Tổng quỹ lương                                          | 123.066    | 120.775    |
| 2. Tiền thưởng                                             | 4.697      | 4.861      |
| 3. Thu nhập khác                                           | 3.332      | 4.006      |
| 4. Tổng thu nhập (1+2+3)                                   | 131.095    | 129.642    |
| 5. Tiền lương bình quân tháng/người (triệu VND)            | 34,76      | 27,06      |
| 6. Thu nhập bình quân tháng/người (triệu VND)              | 37,03      | 29,04      |

#### 2. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

|                                                                        | Tại 31/12/2024     | Tại 31/12/2023     |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Bất động sản, Quyền tài sản và Bất động sản hình thành trong tương lai | 84.985.016         | 54.653.114         |
| Giấy tờ có giá                                                         | 16.496.943         | 13.596.462         |
| Tài sản khác                                                           | 94.700.580         | 104.046.658        |
| <b>Cộng</b>                                                            | <b>196.182.539</b> | <b>172.296.234</b> |

Tài sản thế chấp, cầm cố của khách hàng có giá trị từ 200 tỷ đồng trở lên được định giá độc lập bởi các công ty thẩm định giá theo danh sách Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt hàng năm.

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 3. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Công ty ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Công ty khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết mà Công ty cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba, bao gồm nhiều loại như bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu,... Rủi ro tín dụng đối với bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán về cơ bản giống với rủi ro cho vay khách hàng; các loại bảo lãnh khác có mức độ rủi ro thấp hơn.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết như sau:

|                                     | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Cam kết bảo lãnh</b>             | <b>34.330</b>  | <b>33.511</b>  |
| Cam kết bảo lãnh thanh toán         | 6.465          | -              |
| Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 25.426         | 26.512         |
| Cam kết bảo lãnh khác               | 2.439          | 6.999          |

### 4. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

|                                              | Tại 31/12/2024 | Tại 31/12/2023 |
|----------------------------------------------|----------------|----------------|
| Lãi cho vay chưa thu được bằng đồng Việt Nam | 218.937        | 169.282        |
| Lãi chứng khoán chưa thu được                | 29.722         | 29.722         |
| Phí phải thu chưa thu được                   | 39.411         | 53.113         |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>288.070</b> | <b>252.117</b> |

### 5. Nợ khó đòi đã xử lý

|                                                                   | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023   |
|-------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi | 1.370.821        | 955.104          |
| Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi | 1.466.950        | 1.295.204        |
| <b>Cộng</b>                                                       | <b>2.837.771</b> | <b>2.250.308</b> |

### 6. Tài sản và chứng có giá khác

|                                                                                     | Tại 31/12/2024   | Tại 31/12/2023   |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| Tài sản khác giữ hộ                                                                 | 3.042.974        | 4.671.660        |
| Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý | -                | 14.394           |
| Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản                                          | 1.015.226        | 1.351.606        |
| <b>Cộng</b>                                                                         | <b>4.058.200</b> | <b>6.037.660</b> |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 cửa Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 7. Giao dịch với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
  - ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
  - ▶ có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;
  - ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành của Công ty;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

#### Giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan khác

Chi tiết số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| Bên liên quan                         | Mối quan hệ                                                                                           | Nội dung nghiệp vụ                          | 2024    | 2023    |
|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|---------|
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber (*) | Thành viên HĐQT của Công ty (Ông Lê Mạnh Linh) là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber | Tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty              | (*)     | 271.240 |
|                                       |                                                                                                       | Giấy tờ có giá nắm giữ do Công ty phát hành | (*)     | 674.000 |
|                                       |                                                                                                       | Phải trả lãi tiền gửi và giấy tờ có giá     | (*)     | 18.762  |
| CTCP Amya Holding                     | Thành viên HĐQT của Công ty (Ông Nguyễn Trung Thành) là Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Amya Holding | Cho vay khách hàng                          | 316.206 | 235.438 |
|                                       |                                                                                                       | Phải thu lãi vay                            | 1.164   | 6.471   |

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| Bên liên quan                     | Mối quan hệ                                                                                           | Nội dung nghiệp vụ                               | 2024   | 2023   |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------|--------|
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber | Thành viên HĐQT của Công ty (Ông Lê Mạnh Linh) là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber | Chi phí lãi tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá | 22.971 | 39.811 |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

| Bên liên quan     | Mối quan hệ                                                                                           | Nội dung nghiệp vụ | 2024   | 2023  |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------|-------|
| CTCP Amya Holding | Thành viên HĐQT của Công ty (Ông Nguyễn Trung Thành) là Phó chủ tịch HĐQT của Công ty CP Amya Holding | Thu nhập lãi       | 39.828 | 6.471 |

(\*) Từ ngày 18/03/2024, Ông Lê Mạnh Linh không còn là Chủ tịch Hội đồng thành viên cũng như thành viên của Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber nhưng vẫn là người đại diện theo pháp luật của Công ty này tại thời điểm 31/03/2024. Kể từ ngày 04/04/2024, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber không còn là bên liên quan của Công ty.

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác, tiền lương/thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

|                                                            | 2024<br>triệu đồng | 2023<br>triệu đồng |
|------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Thù lao của Hội đồng Quản trị                              | 3.775              | 3.281              |
| Tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý khác         | 9.896              | 11.792             |
| Tiền lương/ thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát | 2.225              | 2.066              |
|                                                            | <b>15,896</b>      | <b>17.139</b>      |

### Trong đó:

|                                                           |              |               |
|-----------------------------------------------------------|--------------|---------------|
| <b>Thù lao của Hội Đồng Quản Trị</b>                      | <b>3.775</b> | <b>3.281</b>  |
| Ông Hoàng Văn Ninh (*)                                    | -            | 229           |
| Bà Cao Thị Thu Hà (*)                                     | -            | 138           |
| Bà Nguyễn Thúy Trang (*)                                  | -            | 89            |
| Ông Phạm Trung Kiên (*)                                   | 1.619        | 1.223         |
| Ông Lê Mạnh Linh                                          | 539          | 468           |
| Ông Nguyễn Trung Thành (*)                                | 539          | 378           |
| Ông Lê Hoài Nam (*)                                       | 539          | 378           |
| Ông Nguyễn Văn Hải (*)                                    | 539          | 378           |
| <b>Tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý khác</b> | <b>9.896</b> | <b>11.792</b> |
| Ông Nguyễn Hoàng Hải (*)                                  | -            | 970           |
| Ông Mai Danh Hiền (*)                                     | 2.334        | 1.925         |
| Ông Lê Anh Tuấn                                           | 1.446        | 1.423         |
| Ông Hoàng Thế Hưng                                        | 439          | 1.598         |
| Ông Đào Lê Huy                                            | 1.501        | 1.463         |
| Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn (*)                             | 274          | 1.236         |
| Bà Tôn Thị Hải Yến (*)                                    | 1.292        | 1.133         |
| Ông Mai Xuân Đông                                         | 725          | 709           |
| Ông Hoàng Nhật Nam (*)                                    | 824          | 356           |
| Ông Tống Nhật Linh                                        | 1.012        | 979           |
| Ông Nguyễn Tiến Sỹ                                        | 49           | -             |
| <b>Tiền lương/ thù lao của Ban Kiểm soát</b>              | <b>2.225</b> | <b>1.942</b>  |

(\*) Có thay đổi về bổ nhiệm, miễn nhiệm trong năm trình bày chi tiết tại mục giới thiệu chung.

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 8. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý

|            | <i>Tổng dư nợ cho vay<br/>triệu đồng</i> | <i>Tổng tiền gửi tại các TCTD<br/>triệu đồng</i> | <i>Các cam kết tín dụng<br/>triệu đồng</i> | <i>Công cụ tài chính<br/>phải sinh (Tổng giá trị hợp đồng)<br/>triệu đồng</i> | <i>Kinh doanh và chứng khoán<br/>triệu đồng</i> |
|------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Trong nước | 46.802.982                               | 5.388.938                                        | 34.330                                     | 18.377.061                                                                    | 2.796.380                                       |
|            | <b>46.802.982</b>                        | <b>5.388.938</b>                                 | <b>34.330</b>                              | <b>18.377.061</b>                                                             | <b>2.796.380</b>                                |

### 9. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty và được kiểm soát thông qua các quy trình, quy định nội bộ và hoạt động kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào mức độ rủi ro. Quy trình kiểm soát rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Công ty và mỗi cá nhân trong Công ty có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến công việc của họ. Công ty đối mặt với các loại rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Công ty cũng chịu rủi ro hoạt động. Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Công ty.

#### 9.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động của công ty tài chính do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Để quản lý rủi ro tín dụng Công ty sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Công ty đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh; duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Công ty tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Công ty có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

#### 9.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những sự thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Công ty sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản, nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Công ty quản lý rủi ro này chủ yếu bằng cách quản lý mức chênh lệch cảm với lãi suất và quản lý lợi nhuận trong suốt thời hạn hợp đồng.

Bảng dưới đây trình bày thời gian thay đổi lãi suất theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

|                                                                | Quá hạn | Không<br>chịu lãi | Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian |            |            |           |            | Tổng       |
|----------------------------------------------------------------|---------|-------------------|------------------------------------------|------------|------------|-----------|------------|------------|
|                                                                |         |                   | Đến 1 tháng                              | Từ 1-3     | Từ 3-6     | Từ 6-12   | Từ 1-5     |            |
|                                                                |         |                   |                                          | tháng      | tháng      | tháng     | năm        |            |
| Tại 31/12/2024                                                 |         |                   |                                          |            |            |           |            |            |
| Tài sản                                                        |         |                   |                                          |            |            |           |            |            |
| Tiền mặt                                                       | -       | 4.360             | -                                        | -          | -          | -         | -          | 4.360      |
| Tiền gửi tại NHNN                                              | -       | -                 | 497.213                                  | -          | -          | -         | -          | 497.213    |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)                      | -       | -                 | 2.350.162                                | 2.541.563  | -          | -         | -          | 4.891.725  |
| Chứng khoán kinh doanh (*)                                     | -       | -                 | -                                        | -          | 305.682    | -         | 51.062     | 714.205    |
| Cho vay khách hàng (*)                                         | 906.320 | -                 | 576.330                                  | 8.584.462  | 12.462.214 | 8.511.188 | 2.019.873  | 46.802.982 |
| Chứng khoán đầu tư (*)                                         | -       | 1.662.374         | -                                        | -          | -          | -         | 50.000     | 2.082.175  |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn                                        | -       | 1.881.987         | -                                        | -          | -          | -         | -          | 1.881.987  |
| Tài sản cố định                                                | -       | 65.309            | -                                        | -          | -          | -         | -          | 65.309     |
| Các tài sản Có khác (*)                                        | 63.806  | 3.388.053         | -                                        | -          | -          | -         | -          | 3.451.859  |
| Tổng tài sản                                                   | 970.126 | 7.002.083         | 3.423.705                                | 11.126.025 | 12.767.896 | 8.511.188 | 13.843.657 | 60.391.815 |
|                                                                |         |                   |                                          |            |            |           |            |            |
| Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu                                  |         |                   |                                          |            |            |           |            |            |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                                  | -       | -                 | 2.150.200                                | 2.500.968  | 4.039.950  | 3.043.175 | -          | 11.734.293 |
| Tiền gửi khách hàng                                            | -       | 2.130             | 166.650                                  | 3.207.676  | 4.918.900  | 411.126   | 1.504.241  | 10.210.723 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | -       | -                 | 51.858                                   | 115.976    | -          | (3.117)   | -          | 164.717    |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro          | -       | -                 | 98.660                                   | 613.364    | 812.993    | 414.941   | 5.052.636  | 8.587.674  |
| Phát hành giấy tờ có giá                                       | -       | -                 | 771.000                                  | 5.057.000  | 6.971.000  | 4.032.000 | -          | 18.556.000 |
| Các khoản nợ khác                                              | -       | 820.937           | 29.655                                   | 487.374    | -          | -         | -          | 1.337.966  |
| Tổng nợ phải trả                                               | -       | 823.067           | 3.268.023                                | 11.982.358 | 16.742.843 | 7.898.125 | 6.556.877  | 50.591.373 |

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 9.3. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VND. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Công ty lại bằng các ngoại tệ.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo như sau:

|     | 31/12/2024<br>VND | 31/12/2023<br>VND |
|-----|-------------------|-------------------|
| USD | 24.665            | 24.240            |
| EUR | 26.661            | 26.998            |
| GBP | 31.958            | 30.858            |
| JPY | 162               | 172               |
| AUD | 15.840            | 16.566            |

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại thời điểm kết thúc cuối năm tài chính như sau:

|                                                                   |                     |                     |                                         | Đơn vị: Triệu VND |
|-------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------------------------|-------------------|
| Tại 31/12/2024                                                    | USD được<br>quy đổi | EUR được<br>quy đổi | Các ngoại<br>tệ khác<br>được quy<br>đổi | Cộng              |
| <b>Tài sản</b>                                                    |                     |                     |                                         |                   |
| Tiền mặt                                                          | 141                 | 107                 | -                                       | 248               |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước                                   | 25                  | -                   | -                                       | 25                |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)                         | 1.946.598           | 2.115               | 2.347                                   | 1.951.060         |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*) | 7.325.197           | -                   | -                                       | 7.325.197         |
| Cho vay khách hàng (*)                                            | 3.216.815           | -                   | -                                       | 3.216.815         |
| Tài sản Có khác (*)                                               | 245.490             | 24                  | 2.374                                   | 247.888           |
| <b>Tổng tài sản</b>                                               | <b>12.734.266</b>   | <b>2.246</b>        | <b>4.721</b>                            | <b>12.741.233</b> |
| <b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>                              |                     |                     |                                         |                   |
| Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác        | 3.810.743           | -                   | -                                       | 3.810.743         |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro             | 8.156.297           | -                   | -                                       | 8.156.297         |
| Các khoản nợ khác                                                 | 179.544             | -                   | -                                       | 179.544           |
| <b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>                         | <b>12.146.584</b>   | <b>-</b>            | <b>-</b>                                | <b>12.146.584</b> |
| <b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>                                | <b>587.682</b>      | <b>2.246</b>        | <b>4.721</b>                            | <b>594.649</b>    |
| <b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>                              | <b>-</b>            | <b>-</b>            | <b>-</b>                                | <b>-</b>          |
| <b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>                         | <b>587.682</b>      | <b>2.246</b>        | <b>4.721</b>                            | <b>594.649</b>    |

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### 9.4. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Công ty phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Công ty. Đồng thời, Công ty có chính sách linh hoạt để quản lý tính thanh khoản của tài sản, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Công ty cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Công ty cũng thực hiện phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả để quản lý thanh khoản.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Công ty:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán. Do đó, thời gian đến hạn được xếp loại đến một (1) tháng;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đến hạn được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn;
- ▶ Các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng;
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xếp loại dựa trên thời gian sử dụng hữu ích còn lại và giá trị còn lại ước tính; và
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản có khác, các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác và các khoản nợ khác được xác định dựa vào thời hạn đến hạn của các tài sản và công nợ.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày báo hạn:

Đơn vị: Triệu VND

|                                                                | Quá hạn      |             | Trong hạn   |                |              |                 |            |
|----------------------------------------------------------------|--------------|-------------|-------------|----------------|--------------|-----------------|------------|
|                                                                | Trên 3 tháng | Đến 3 tháng | Đến 1 tháng | Từ 1 – 3 tháng |              | Từ 3 – 12 tháng | Tổng       |
|                                                                |              |             |             | Từ 1 – 3 tháng | Từ 1 – 5 năm |                 |            |
| Tài sản                                                        |              |             |             |                |              |                 |            |
| Tiền mặt                                                       | -            | -           | 4.360       | -              | -            | -               | 4.360      |
| Tiền gửi tại NHNN                                              | -            | -           | 497.213     | -              | -            | -               | 497.213    |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác                          | -            | -           | 2.350.162   | 2.541.553      | -            | -               | 4.891.725  |
| Chứng khoán kinh doanh (*)                                     | -            | -           | -           | -              | 305.682      | 51.062          | 714.205    |
| Cho vay khách hàng (*)                                         | 740.056      | 166.263     | 524.073     | 7.113.996      | 19.183.163   | 15.994.085      | 46.802.982 |
| Chứng khoán đầu tư (*)                                         | -            | -           | 1.662.374   | -              | -            | 55.875          | 2.082.175  |
| Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)                                    | -            | -           | -           | -              | -            | -               | 1.881.987  |
| Tài sản cố định                                                | -            | -           | -           | -              | -            | -               | 65.309     |
| Tài sản Có khác (*)                                            | 2.325        | 61.481      | 2.357.353   | 230.700        | 800.000      | -               | 3.451.859  |
| Tổng tài sản                                                   | 742.381      | 227.744     | 7.395.535   | 9.886.259      | 20.288.845   | 16.101.022      | 60.391.815 |
| Nợ phải trả                                                    |              |             |             |                |              |                 |            |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                                  | -            | -           | 2.150.200   | 2.500.968      | 7.083.125    | -               | 11.734.293 |
| Tiền gửi của khách hàng                                        | -            | -           | 168.780     | 3.207.676      | 5.330.026    | 1.504.241       | 10.210.723 |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác | -            | -           | 51.858      | 115.976        | (3.117)      | -               | 164.717    |
| Nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro    | -            | -           | 98.660      | 613.364        | 1.227.934    | 5.052.636       | 8.587.674  |
| Phát hành giấy tờ có giá                                       | -            | -           | 771.000     | 5.057.000      | 11.003.000   | -               | 18.556.000 |
| Các khoản nợ khác                                              | -            | -           | 850.592     | 487.374        | -            | -               | 1.337.966  |
| Tổng nợ phải trả                                               | -            | -           | 4.091.090   | 11.982.358     | 24.640.968   | 6.556.877       | 50.591.373 |
| Mức chênh lệch thanh khoản ròng                                | 742.381      | 227.744     | 3.304.445   | (2.096.099)    | (4.352.123)  | 9.544.145       | 9.800.442  |

(\*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng:

Đơn vị: Triệu VND

|                                                                | Giá trị ghi sổ |                      |                 |                     | Giá trị hợp lý                                         |
|----------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|-----------------|---------------------|--------------------------------------------------------|
|                                                                | Kinh doanh     | Giữ đến ngày đáo hạn | Sẵn sàng để bán | Cho vay và phải thu | Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Cộng |
| Tài sản tài chính                                              |                |                      |                 |                     |                                                        |
| Tại 31/12/2024                                                 |                |                      |                 |                     |                                                        |
| Tiền mặt                                                       | 4.360          | -                    | -               | -                   | 4.360                                                  |
| Tiền gửi tại NHNN                                              | -              | -                    | -               | 497.213             | 497.213                                                |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác                          | -              | -                    | -               | 4.891.725           | 4.891.725                                              |
| Chứng khoán kinh doanh (*)                                     | 714.205        | -                    | -               | -                   | 714.205                                                |
| Cho vay khách hàng (*)                                         | -              | -                    | -               | 46.802.982          | 46.802.982                                             |
| Chứng khoán đầu tư (*)                                         | -              | -                    | 2.082.175       | -                   | 2.082.175                                              |
| Đầu tư dài hạn khác (*)                                        | -              | -                    | 1.881.987       | -                   | 1.881.987                                              |
| Các khoản phải thu (*)                                         | -              | -                    | -               | 1.954.917           | 1.954.917                                              |
| Các khoản lãi, phí phải thu (*)                                | -              | -                    | -               | 1.422.608           | 1.422.608                                              |
| Tổng tài sản                                                   | 718.565        | -                    | 3.964.162       | 55.569.445          | 60.252.172                                             |
| Nợ phải trả                                                    |                |                      |                 |                     |                                                        |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                                  | -              | -                    | -               | -                   | 11.734.293                                             |
| Tiền gửi của khách hàng                                        | -              | -                    | -               | -                   | 10.210.723                                             |
| Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác | -              | -                    | -               | -                   | 164.717                                                |
| Nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro    | -              | -                    | -               | -                   | 8.587.674                                              |
| Phát hành giấy tờ có giá                                       | -              | -                    | -               | -                   | 18.556.000                                             |
| Các khoản nợ tài chính khác                                    | -              | -                    | -               | -                   | 1.149.016                                              |
| Tổng nợ phải trả                                               | -              | -                    | -               | -                   | 50.402.423                                             |

## CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14,15, 16 của Tháp B, Tòa nhà EVN, số 11 Cửa Bắc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- (\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này xấp xỉ giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có thời hạn ngắn.
- (\*\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan chức năng về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

### 11. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tài chính, tiền tệ và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

### 12. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

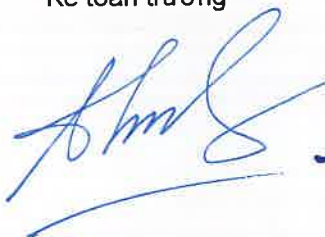
Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trang

Tống Nhật Linh

Mai Danh Hiền

C.T.C.P.  
10